CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

52 Thành Thái, phường 12, quận 10, TP HCM
Số điện thoại: (08) 3.839.3054 – 3.833.0855
Số fax (08) 3.833.2754
Website: www.tie.com.vn

2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

THÔNG TIN CHUNG

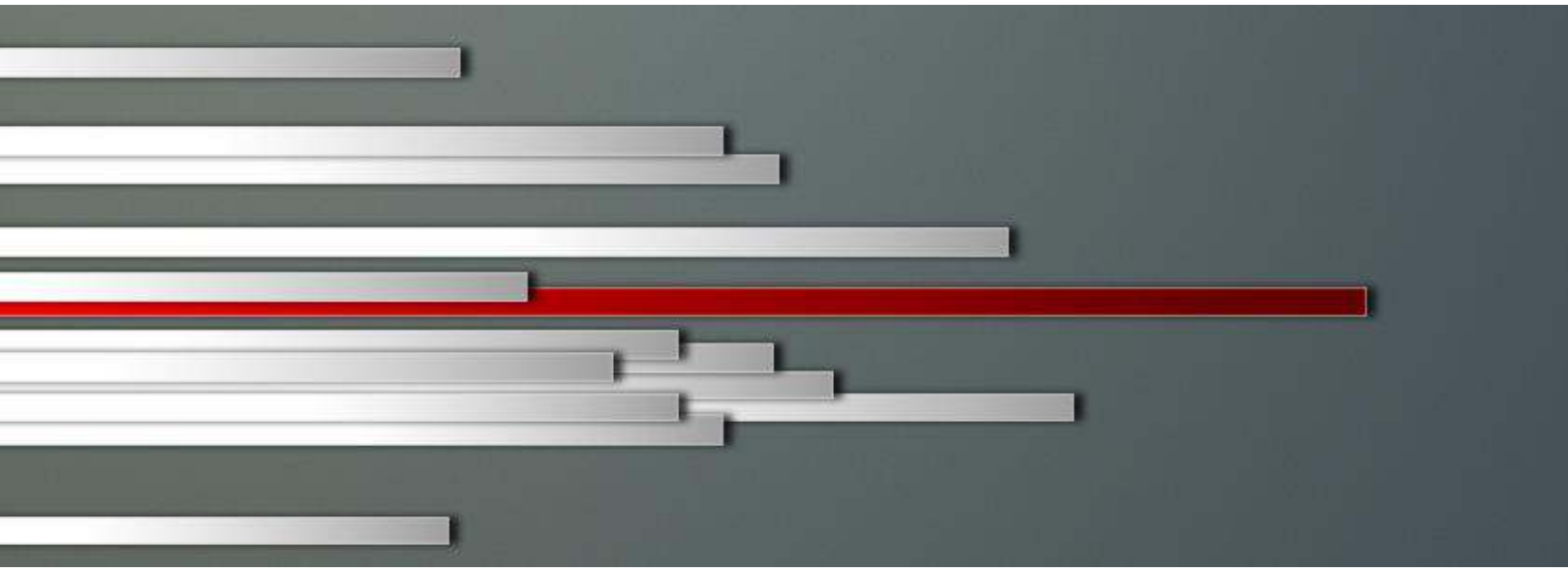

Thông tin TIE

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Định hướng phát triển

Các rủi ro

Thông tin TIE

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần TIE
Tên tiếng Anh	TELECOMMUNICATIONS INDUSTRY ELECTRONICS JOINT STOCK COMPANY
Logo	
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0301173454 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 13/07/2004 và thay đổi lần 16 ngày 31/07/2014
Vốn điều lệ	95.699.000.000 đồng
Địa chỉ	52 Thành Thái, phường 12, quận 10, TP HCM
Số điện thoại	(08) 3.839.3054 – 3.833.0855
Số fax	(08) 3.833.2754
Website	www.tie.com.vn
Mã cổ phiếu	TIE

Quá trình hình thành và phát triển

1990	1992	1994	2004
Xí nghiệp điện tử quận 10 trực thuộc công ty xuất nhập khẩu điện tử quận 10 (Tenimex) ra đời.	Tách ra khỏi công ty Xuất nhập khẩu quận 10, trở thành Công ty Sản xuất – Kinh doanh Xuất nhập khẩu Điện – Điện tử quận 10.	Kí hợp đồng liên doanh với tập đoàn Samsung Electronics Co., ltd (Hàn Quốc), thành lập công ty Điện tử Samsung Vina.	Tháng 7/2004, chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần, lấy tên gọi Công ty Cổ phần TIE. Tháng 8/2004, thành lập chi nhánh TIE Phú Quốc.

Các thành tích đạt được trong 3 năm gần đây

Tập thể lao động xuất sắc năm 2013 do UBND TP. Hồ Chí Minh cấp

Bằng khen UBND Thành phố năm 2013 do UBND TP. Hồ Chí Minh cấp

Chứng nhận đạt 3K tại Việt Nam

- ✓ Không có sản phẩm thiếu nguồn gốc xuất xứ;
- ✓ Không có sản phẩm là hàng giả, hàng nhái;
- ✓ Không có sản phẩm xâm phạm quyền Sở hữu trí tuệ.

do Hiệp hội các nhà bán lẻ Việt Nam và Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp

"Doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh tiêu biểu" năm 2013 do UBND TP. Hồ Chí Minh cấp

2009	2009	2011	2013
Liên doanh với công ty Applied Technology Precision Lid., thành lập công ty TNHH Dụng cụ điện Việt Nam (PTV) sản xuất các thiết bị điện cầm tay	Tháng 12/2009, được Quacert cấp giấy chứng nhận ISO 9001:2008 Tháng 12/2009, cổ phiếu Công ty cổ phần TIE chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP HCM	Tháng 9/2011, nhà phân phối chính thức màn hình vi tính Philips tại Việt Nam Tháng 10//2011, khai trương trung tâm bảo hành Sammsung chi nhánh 760 Điện Biên Phủ, quận 10, TP HCM.	Tháng 3/2013 TIE chính thức trở thành nhà phân phối laptop Gigabyte tại Việt Nam

Tập thể lao động xuất sắc năm 2012 do UBND TP. Hồ Chí Minh cấp

Bằng khen do Tạp chí Truyền hình – Đài truyền hình Việt Nam cấp

Bằng khen do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cà Mau cấp

Giấy khendo Bảo hiểm xã hội thành phố Hồ Chí Minh cấp

Giấy khen do Công An thành phố Hồ Chí Minh

Giấy khen do Sở lao động – thương binh và xã hội thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh

- Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng. Sản xuất và kinh doanh các thiết bị lạnh, máy phát điện, động cơ và phụ tùng rời cung cấp cho ngành điện lực (trừ tái chế phế thải nhựa – kim loại).
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu linh kiện điện tử, máy móc đo lường thí nghiệm điện – điện tử - thiết bị viễn thông. Mua bán tư liệu sản xuất hoá chất, vật tư, nguyên phụ liệu, thiết bị phụ tùng, máy móc phục vụ sản xuất công nông nghiệp, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, hàng tiêu dùng và phương tiện vận tải và phụ tùng, dịch vu lao động.
- Thiết lập mạng lưới thiết bị Internet, cung cấp dịch vụ truy nhập Internet công cộng. Sản xuất lắp ráp thiết bị bưu chính viễn thông. Sản xuất gia công, mua bán các sản phẩn cơ khí.
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại Thành Phố Hồ Chí Minh). Vận chuyển hành khách bằng đường thủy, bằng Taxi, theo hợp đồng, cho thuê nhà xưởng và kho bãi.

- Các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng trên Internet: dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ truy nhập cơ sở dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (EDI), dịch vụ FAX nâng cao hay gia tăng giá trị bao gồm lưu trữ và gửi, lưu giữ và truy cập, dịch vụ chuyển đổi mã, hiệu, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng khác theo quy định của Bộ Bưu chính Viễn thông.
- Đại lý ký gởi hàng hoá. Tư vấn, thiết kế phần máy tính. Tư vấn, thiết kế, lắp đặt mạng máy tính
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, hàng thủy hải sản chế biến, nước giải khát (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống). Đại lý kinh doanh xăng dầu, cho thuê văn phòng….

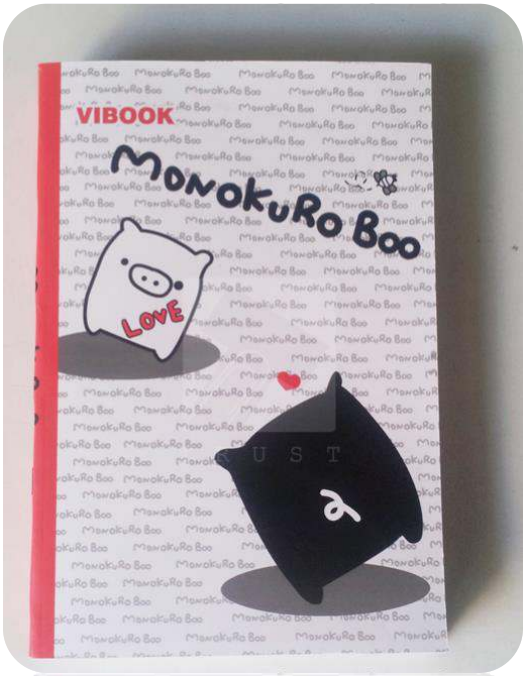

Địa bàn hoạt động

Hà Nội, Đà Nẵng, Phú Quốc, Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

Đối tác chiến lược

SAMSUNG ELECTRONICS Co.,CD

CASIO COMPUTER CO., LTD (JAPAN)

ADATA TECHNOLOGY CO., LTD

Sản phẩm tiêu biểu

Dịch vụ du lịch

Thiết bị nội trợ

Ấm nước điện

Nồi cơm điện

Nồi lẩu điện

Thiết bị ngoại vi và lưu trữ

Màn hình Philips

Thiết bị lưu trữ Adata

Màn hình Samsung

Laptop Gigabyte

Tập Vĩnh Tiến

Tập học sinh 100 trang

Tập học sinh 200 trang

Giấy in

Dịch vụ an ninh

Dịch vụ hỗ trợ an toàn tài sản và cảnh báo an ninh

Sản phẩm khác

Máy tính tiền

Bảng điện tử

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

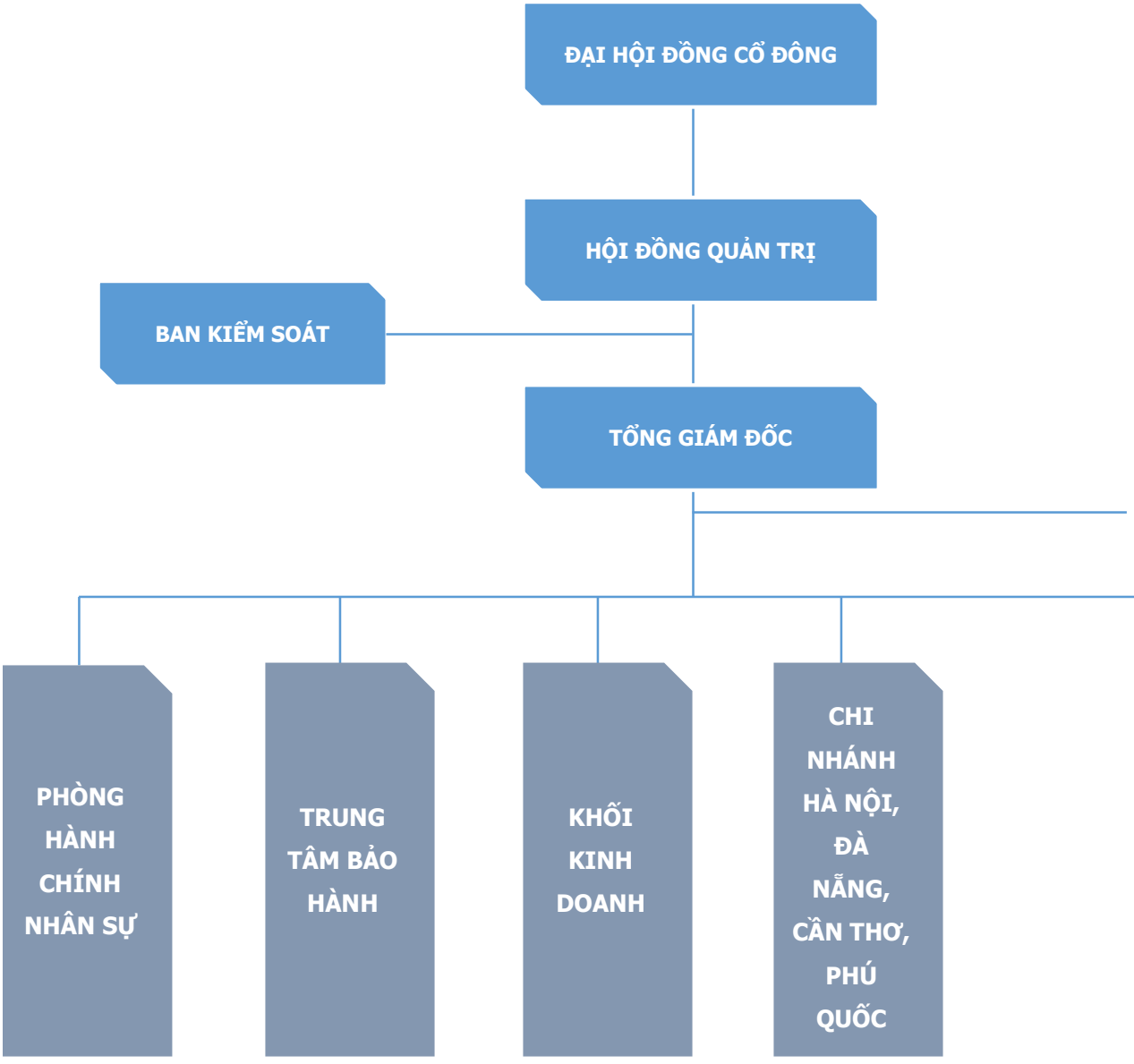

CÁC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- **KHỐI SẢN XUẤT KỸ THUẬT**
- **PHÒNG KẾ TOÁN**
- **PHÒNG CHIẾN LƯỢC**
- **PHÒNG ĐẦU TƯ – DỰ ÁN**
- **PHÒNG CUNG VẬN**

Tầm nhìn

Kinh doanh, dịch vụ: Mục tiêu trở thành một trong những công ty phân phối hàng đầu và bán lẻ chuyên nghiệp tại Việt Nam trong lĩnh vực hàng điện - điện tử và công nghệ thông tin

Sản xuất - Gia công xuất khẩu: Mục tiêu trở thành công ty chuyên sản xuất, gia công xuất khẩu các sản phẩm có hàm lượng chất xám cao

Đầu tư: Mục tiêu trở thành nhà đầu tư có tiềm lực tài chính mạnh, năng động và chuyên nghiệp

Sứ mệnh

TIE quyết tâm không ngừng đổi mới, cải tiến để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, mang lại lợi ích chung cho cộng đồng và cổ đông.

Hợp tác kinh doanh, chia sẻ lợi nhuận

Kế hoạch kinh doanh dài hạn

❖ **Các mục tiêu chủ yếu của TIE đến 2020**

» Về doanh thu: Công ty ước đạt 550- 600 tỷ đồng vào cuối năm 2015 và tăng đến 1,100- 1,200 tỷ đồng năm 2020. Trong đó, tăng trưởng doanh thu trung bình ít nhất 10% hàng năm.

» Tỷ lệ chi trả cổ tức trung bình đạt khoảng 14-16% hàng năm.

❖ **Các mục tiêu về môi trường, xã hội và cộng đồng của TIE**

Mục tiêu đối với môi trường

TIE luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống và tương lai của nhân loại. Các hoạt động/sản phẩm hoặc dịch vụ của chúng tôi không chỉ bảo đảm chất lượng tốt mà còn có nghĩa vụ bảo vệ môi trường.

Để đạt được điều này chúng tôi cam kết thực hiện:

Tuân thủ các yêu cầu luật định và các yêu cầu khác liên quan đến các tác động môi trường của Công ty.

Tăng cường kiểm soát, quản lý các vấn đề liên quan đến môi trường nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, giảm thiểu tác động đáng kể đến môi trường bằng các biện pháp:

+ Tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và nước sinh hoạt;
+ Tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên;
+ Phát huy tinh thần sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, khuyến khích toàn thể nhân viên tái sử dụng trong quá trình làm việc, sản xuất;
+ Nâng cao nhận thức cho toàn thể nhân viên thông qua đào tạo kiến thức về công tác bảo vệ môi trường.

Chính sách này được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CBCNV Công ty để mọi người thấu hiểu và đều có trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Các hoạt động

Đối với nhân viên

Với chứng nhận Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008; chúng tôi là một trong những công ty tạo được một môi trường làm việc tốt với tác phong công nghiệp. Không ngừng phát triển nguồn nhân lực cũng là một trong chính sách của chúng tôi để xây dựng nền tảng của TIE.

Đối với môi trường

TIE chỉ chuyên về lắp ráp phân phối hàng điện tử nên hầu như không có những ảnh hưởng lớn đến môi trường xung quanh. TIE hướng tới hình ảnh của một công ty thân thiện với môi trường. Chúng tôi tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn về môi trường.

Mục tiêu đối với xã hội, cộng đồng

Cung ứng Sản phẩm và dịch vụ an toàn, chất lượng cao

Xây dựng uy tín cho TIE, xây dựng niềm tin và tìm kiếm sự chấp thuận của các bên liên quan và xã hội nói chung đối với các hoạt động kinh doanh của TIE nhằm đảm bảo môi trường đầu tư lâu dài cho công ty.

Ngày càng nâng cao chất lượng cuộc sống cho Cán bộ công nhân viên của Công ty.

Khuyến khích sự tình nguyện tham gia của các bên hữu quan và Cán bộ công nhân viên của TIE vào hoạt động tình nguyện và thúc đẩy tư duy hướng tới phát triển bền vững.

STT	CHƯƠNG TRÌNH	GIÁ TRỊ ĐÓNG GÓP (VND)
01	Trao 22 suất học bổng, quà Tập Vĩnh Tiến cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại xã Bàu Trâm, long khánh, Tỉnh Đồng Nai và trao giải thưởng Lê Quý Đôn	74.000.000 ĐỒNG
02	Thăm và tặng 40 suất học bổng, vật phẩm, tập Vĩnh Tiến cho các em học sinh nghèo hiếu học tại trường tiểu học Bàn Long Tỉnh Tiền Giang , trường Giao Hòa Tỉnh Bến tre và xã Mỹ Thạnh Tây Huyện Đức Huệ Tỉnh Long An	44.000.000 ĐỒNG
03	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà 03 căn nhà tình thương ở Quận 3; xã Giao Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre và xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ tỉnh Long An	105.000.000 ĐỒNG
04	Vận động toàn thể CB-CNV tham gia đóng góp một ngày lương ủng hộ "Vì Hoàng Sa -Trường sa thân yêu" do Tổng Liên Đoàn Việt Nam vận động , "Tấm lưới nghĩa tình" và nhắn tin ủng hộ "Vì Trường Sa thân yêu " Liên đoàn TP.HCM phát động và đã nộp về Công đoàn Tổng công ty	12.600.000 ĐỒNG
05	Ủng hộ cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật ở huyện Cần Giờ	27.000.000 ĐỒNG
	TỔNG CỘNG	**282.072.000 ĐỒNG**

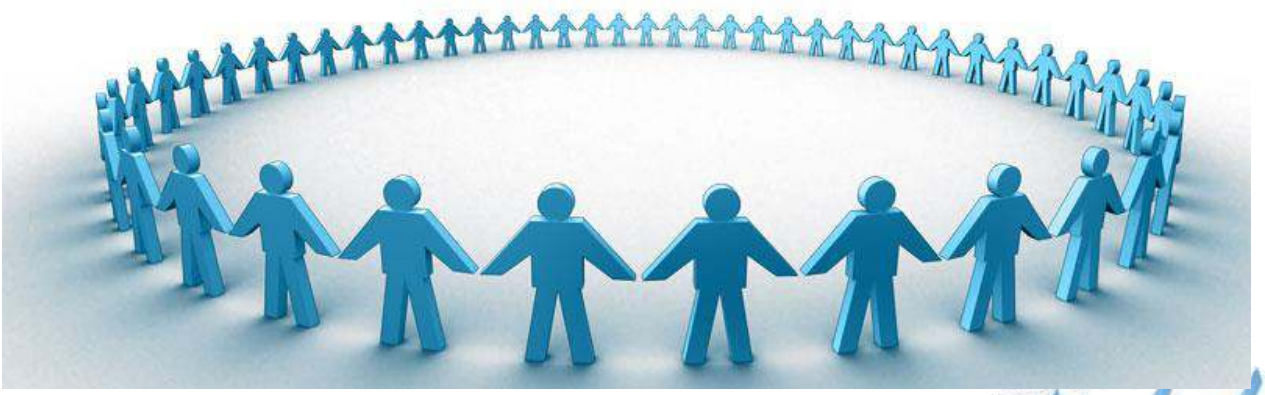

Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Tình hình kinh tế năm 2014 có bước cải thiện so với năm 2013. Tăng trưởng kinh tế đồng đều, thị trường tài chính chuyển biến tích cực và cân đối ngân sách được cải thiện. Nhờ đó, khó khăn của doanh nghiệp cũng phần nào được giảm bớt. Năm 2014, giá cả hàng hóa và năng lượng thế giới giảm, góp phần cắt giảm chi phí đầu vào sản xuất; đồng thời do lạm phát được kiểm soát trong 2 năm 2012-2013 nên tâm lý lạm phát của người dân tương đối ổn định. Nhờ đó mà kết thúc năm 2014, lạm phát xuống mức thấp nhất trong mười năm là 1,84%. Kể từ Quý 2/2014, tốc độ tăng trưởng GDP có xu hướng tăng, hứa hẹn sang năm 2015 tăng trưởng kinh tế sẽ tiếp tục hồi phục và có khả năng đạt mục tiêu tăng trưởng 6,2%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 6,3% so với năm 2013, đồng thời chỉ số niềm tin tiêu dùng cuối năm cao hơn nhiều so với thời điểm đầu năm 2014 mở ra triển vọng cho ngành công nghiệp điện-điện tử tiêu dùng. Theo đánh giá của Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, tiêu dùng phục hồi nhờ mức lạm phát được kiểm soát trong năm 2014 sẽ phần nào cải thiện sức mua của người dân trong năm 2015.

Nhìn từ diễn biến chung của nền kinh tế năm 2014 có thể thấy dấu hiệu của sự phục hồi trong năm 2015, tuy nhiên vẫn còn nhiều thách thức cho nền kinh tế Việt Nam. Giá hàng hóa dự báo giảm tuy có tác động tốt trong việc thúc đẩy sức mua của người dân, tuy nhiên việc giá hàng hóa giảm liên tục trong nhiều năm cũng có khả năng gây mất cân bằng cho nền kinh tế. Bên cạnh đó là thách thức trong vấn đề tìm ra các biện pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh cải thiện môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp trong nước trong thời điểm nền kinh tế hội nhập sâu hơn và đón nhận vốn FDI mạnh mẽ vào các lĩnh vực, trong đó có ngành hàng tiêu dùng nói chung và hàng điện-điện tử tiêu dùng nói riêng.

Rủi ro công ty

Trải qua quá trình 24 năm hình thành và phát triển, công ty cổ phần TIE luôn định hướng được vị thế công ty trên thị trường; công tác nghiên cứu thị trường, thăm dò nhu cầu người tiêu dùng và phát triển sản phẩm vẫn luôn được quan tâm hàng đầu. Tuy nhiên, làm thế nào để luôn kịp thời nắm bắt thị trường và có chính sách quản lý, điều hành hợp lý và hiệu quả vẫn luôn là thách thức cho TIE trong quá trình vận động thất thường của nền kinh tế. Bên cạnh đó, việc là nhà phân phối sản phẩm của các hãng điện – điện tử khác cũng đem đến những rủi ro nhất định cho TIE về nguồn cung ứng sản phẩm kinh doanh.

Rủi ro ngành

Là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp Điện – Điện tử, TIE đối mặt với những khó khăn và rủi ro đặc thù của ngành. Ngành công nghiệp Điện – Điện tử luôn được đánh giá là một ngành có tốc độ phát triển nhanh và ổn định, vì thế ngày càng nhiều doanh nghiệp mong muốn thâm nhập thị trường này. Các công ty điện tử mới xuất hiện ngày càng nhiều, các công ty cũ cũng thường xuyên cho ra mắt các sản phẩm mới cùng với những cải tiến trong công nghệ càng đặt nặng áp lực cạnh tranh gay gắt cho các công ty trong ngành nói chung và công ty cổ phần TIE nói riêng.

Rủi ro luật pháp

Công ty cổ phần TIE hoạt động trên nguyên tắc tôn trọng và tuân thủ theo Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan hiện hành. Các văn bản pháp luật đã và đang trong quá trình hoàn thiện, các kế hoạch sửa đổi và điều chỉnh vẫn thường xuyên được tiến hành nhằm tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc sửa đổi các văn bản pháp luật quan trọng nhằm mục đích giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam; tuy nhiên việc thay đổi thường xuyên cũng phần nào ảnh hưởng đến Điều lệ công ty cũng như chính sách điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, các văn bản pháp luật hiện nay còn chưa đồng bộ, gây khó khăn cho đối tượng điều chỉnh trong quá trình thực hiện.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Tình hình hoạt động sản xuất trong năm

Khoản mục	2013	2014	So với 2013 (%)
Tổng doanh thu	294.525.333.925	339.218.138.752	15,2%
Doanh thu văn phòng của TIE	274.628.635.320	318.644.247.899	16,0%
Doanh thu bán hàng hóa	259.567.022.031	308.602.743.808	18,9%
Doanh thu bán thành phẩm	3.477.773.143	938.270.871	-73,0%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.573.202.873	9.086.189.585	-21,5%
Doanh thu khác	10.637.273	17.043.635	60,2%
Doanh thu chi nhánh Phú Quốc	10.364.272.622	13.501.570.070	30,3%
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	7.158.031.678	4.020.915.931	-43,8%
Doanh thu chi nhánh Cần Thơ	1.938.904.349	445.494.181	-77,0%
Doanh thu chi nhánh Đà Nẵng	435.489.956	1.554.000.171	256,8%
DT CT TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn	0	1.051.910.500	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-3.118.285.854	-5.812.158.733	86,4%
Doanh thu thuần	291.407.048.071	333.405.979.323	14,4%

Tổng doanh thu tăng 15,2% so với năm trước, đạt 339,2 tỷ đồng; doanh thu của văn phòng TIE vẫn giữ vị thế dẫn đầu trong toàn bộ doanh thu Công ty và năm nay có sự tăng trưởng lên 16,0% so với 2013. Có thể thấy các dự án đầu tư trong những năm trước của công ty tại Phú Quốc và Đã Nẵng đã ổn định hoạt động và bắt đầu tăng trưởng về mặt doanh thu, Công ty con Giải pháp Thông Minh Sài Gòn mới đi vào hoạt động trong khoảng nửa cuối năm 2014 bước đầu có doanh thu 1 tỷ đồng. Riêng chi nhanh tại Hà Nội và Cần Thơ, do ảnh hưởng chung của xu hướng công nghệ nên doanh thu đã giảm trong năm qua.

Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty là doanh thu màn hình vi tính các loại; chiếm 45,44%. Sản lượng màn hình vi tính tiêu thụ trong năm 2014 được 69.521 chiếc, giảm 24,3% so với năm 2013. Qua số liệu các năm, tỷ trọng doanh thu màn hình vi tính so với doanh thu thuần bán hàng và dịch vụ ngày càng sụt giảm:

Năm	2011	2012	2013	2014
Tỷ trọng	90,06%	85,22%	66,34%	45,35%

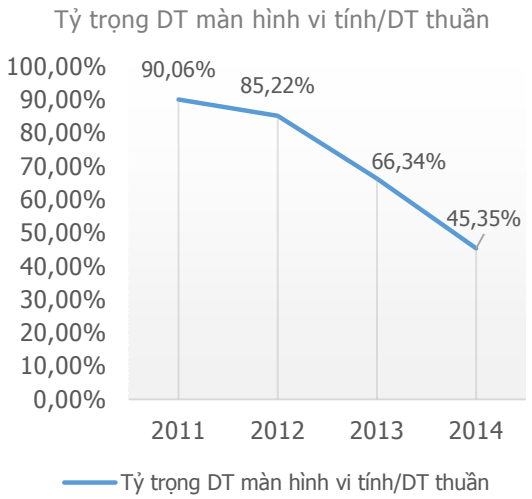

Điều này minh chứng cho xu hướng chuyển dịch nhu cầu của người tiêu dùng từ máy tính để bàn chuyển sang máy tính xách tay, rồi đến máy tính bảng và điện thoại thông minh (Smartphone). Đồng thời, các số liệu này cũng cho thấy sự chuyển dịch các ngành hàng trong cơ cấu doanh thu của Công ty TIE.

Đứng thứ hai trong tỷ trọng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là doanh thu giấy, tập, văn phòng phẩm thương hiệu Vĩnh Tiến, chiếm 25,89% doanh thu bán hàng. Mặc dù chỉ gia nhập thị trường giấy và văn phòng phẩm từ tháng 06 năm 2013 nhưng đến nay các sản phẩm này đã đóng góp sự hình thành doanh thu và lợi nhuận đáng kể của Công ty. Đây là sự thành công của Công ty trong chuyển dịch cơ cấu kinh doanh và là định hướng cho sự phát triển lâu dài về dòng sản phẩm này.

Bên cạnh hai sản phẩm chủ lực nêu trên, Công ty vẫn duy trì mối quan hệ tốt với các đối tác và là nhà phân phối đáng tin cậy của CASIO, ADATA, ...;

Với kinh nghiệm và nỗ lực của đội ngũ kinh doanh máy tính tiền TIE cùng sự hỗ trợ của CASIO, Công ty đã xâm nhập và phân phối máy tính tiền CASIO vào hệ thống AEON của Nhật Bản. Trung tâm mua sắm AEON – Tân Phú Celadon tại TP.HCM, máy tính tiền CASIO chiếm 25% sản lượng trong hệ thống quản lý của trung tâm; tại Trung tâm mua sắm AEON – Bình Dương Canary là 100%.

Sau khi loại trừ các khoản làm giảm trừ doanh thu, doanh thu thuần còn lại đạt 333,4 tỷ, tăng 14,4% so với năm trước.

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Khu giải trí và bán hàng lưu niệm

Chi nhánh TIE tại Phú Quốc: nằm ngay trên trục đường du lịch chính tại trung tâm của Phú Quốc và là điểm thu hút khách du lịch đến mua sắm. Trong năm 2014, Khu giải trí và bán hàng lưu niệm đạt được:

- Hợp tác với Saigon Co.op kinh doanh bán lẻ siêu thị, hàng lưu niệm, đặc sản các vùng miền và là điểm bán hàng bình ổn duy nhất hiện nay tại Phú Quốc. Doanh thu bán hàng năm 2014 đạt được 11,174 tỷ đồng;
- Triển khai cung cấp thực phẩm cho các Resort, nhà hàng, khách sạn tại Phú Quốc;
- Đang đàm phán hợp tác kinh doanh nhà hàng.

Công trình Trung tâm điều hành du lịch TIE Travel và Trung tâm điều hành hệ thống định vị toàn cầu

Đã chính thức đưa vào sử dụng từ ngày 29/10/2014. Việc khai trương công trình đã tạo hình ảnh mới của Công ty, tạo thuận lợi cho việc tiếp cận và quảng bá thương hiệu TIE Travel đến với khách hàng.

Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn

Trong năm 2014 đã đạt được một số kết quả như sau:

- Hợp tác với Đại học Quốc Gia TP.HCM về R&D (nghiên cứu & phát triển):
  - Ký thỏa thuận ghi nhớ hợp tác với Trung tâm địa tin học (GEOC) để tư vấn các dự án GIS tại TP.HCM và các tỉnh thành;
  - Hợp tác với công viên phần mềm để tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ lập các dự án khoa học công nghệ để sử dụng nguồn hỗ trợ của Bộ Khoa học công nghệ cho sản xuất thử nghiệm;
- Hợp tác với các công ty nước ngoài về R&D:
  - Esri (chuyên về bản đồ số và các ứng dụng trong quản lý nhà nước, quản lý doanh nghiệp): giải pháp MGIS cho khu vực Tây Nam Bộ theo đề án do Đại học Quốc Gia TP.HCM chủ trì;
  - Intel, Cisco: xây dựng giải pháp về hệ thống mạng và các sản phẩm công nghệ cao (Access Point, Module GPS, Điện kế điện tử…)
- Chủ động kinh doanh:
  - Cung cấp phần mềm, linh kiện, thiết bị điện tử cho các đơn vị nghiên cứu;
  - Cung cấp giải pháp và thiết bị cho các dự án thầu tại các tỉnh miền Tây.
- Doanh thu năm 2014 đạt 6,69 tỷ đồng.

Dự án 376 Điện Biên Phủ

Trong năm 2014 chủ yếu thực hiện các thủ tục pháp lý để xin chủ trương thực hiện Dự án "*Thương mại – Dịch vụ – Văn phòng và Căn hộ*" và đã đạt được một số công việc như sau:

- UBND TP.HCM có thông báo số 700/TB-VP ngày 30/08/2014 về việc chấp thuận đề xuất của Sở Quy hoạch – Kiến trúc về các chỉ tiêu quy hoạch;
- Ngày 09/12/2014 Sở QH – KT cấp Giấy phép quy hoạch số 130/GPQH cho dự án "Thương mại – Dịch vụ – Văn phòng và Căn hộ";
- Đã nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng đăng ký làm chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở thương mại;
- Đã nộp hồ sơ tại Sở Tài nguyên & Môi trường xin giao đất để sử dụng vào mục đích Thương mại – Dịch vụ – Văn phòng và Căn hộ với thời hạn lâu dài.

Công ty TNHH Vĩnh Tiến – TIE

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 18/07/2014 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Công ty Vĩnh Tiến – TIE là sự hợp tác giữa Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến và Công ty Cổ phần TIE, chuyên sản xuất – kinh doanh giấy và các sản phẩm từ giấy. Mặc dù mới được thành lập trong vòng 08 tháng, nhưng đến nay Công ty Vĩnh Tiến – TIE đã hoàn thành một số hạng mục cơ bản sau:

- Hoàn thành việc lắp đặt, vận hành nghiệm thu thiết bị 02 dây chuyền sản xuất tập vở học sinh tự động (Xuất xứ: CHLB Đức), 01 máy in 04 màu (2/2) (xuất xứ Nhật) và các máy phụ trợ khác;
- Hoàn thành lắp đặt mới trạm biến áp 03 pha 250KVA và cải tạo lại nhà kho thuê để phù hợp với mục đích sử dụng;
- Hoàn thành chọn lựa và ký kết hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp: giấy, vật tư in, bao bì ...;
- Đã thống nhất 06 mẫu bìa sản xuất đợt 01 (phân khúc giá rẻ) cung cấp cho thị trường miền Trung và miền Bắc;
- Hoàn thành việc đăng ký sở hữu nhãn hiệu, thương hiệu hàng hóa: Vintis, TBook, TPic, Tpaper.

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH2013	TH2014	So với 2013 (%)
Tổng tài sản	390.584.228.801	375.379.608.542	-3,89%
Doanh thu thuần	291.407.048.071	333.405.979.323	14,41%
Lợi nhuận từ HĐKD	48.873.895.113	2.256.083.828	-95,38%
Lợi nhuận khác	6.901.406.481	12.764.262.546	84,95%
Lợi nhuận trước thuế	55.775.301.594	15.020.346.374	-73,07%
Lợi nhuận sau thuế	55.475.950.927	12.684.103.867	-77,14%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán giảm nhẹ trong năm qua nguyên nhân vì cả tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đều giảm, thay vào đó là sự tăng trưởng của tài sản dài hạn. Một số kế hoạch đầu tư đã được hoàn thiện và đưa vào khai thác trong năm 2014 đã thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu tài sản. Ngoài ra, các sự suy giảm sản lượng bán hàng của nhóm màn hình vi tính – mặt hàng truyền thống của công ty cũng góp phần vào sự sụt giảm này.

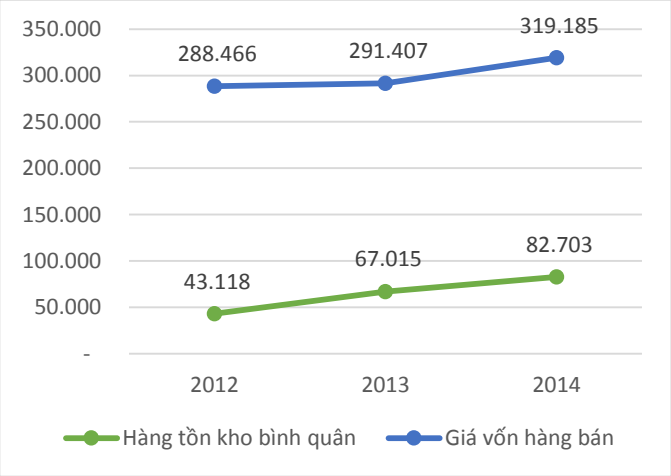

Để thực tài trợ cho một số đầu tư mới và hoạt động kinh doanh trong năm, Công ty đã tăng cường nợ vay ngân hàng trong ngắn hạn làm cho khoản này tăng từ từ 65 tỷ lên 76,2 tỷ đồng, tương đương 17,19%. Tuy vậy cơ cấu nợ vẫn không thay đôi nhiều khi nợ ngắn hạn vẫn chiếm phần lớn trong tổng nợ. Nguyên nhân do các khoản khác như phải trả người bán, nghĩa vụ thuế và khen thưởng phúc lợi đã giảm đi đáng kể so với năm trước. Nợ dài hạn vẫn giữ ở mức 2 tỷ đồng trong 2 năm qua.

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	2,66	2,37
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,84	1,72
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	29,80%	29,82%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	42,44%	42,50%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,24	3,86
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,75	0,89
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	19,0%	3,8%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	21,3%	4,7%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	16,0%	3,3%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	16,8%	0,7%

Tương ứng với mức tăng 14,4% của doanh thu, giá vốn hàng bán năm 2014 đã tăng 12,41%, sự tăng trưởng này là hệ quả bình thường của hoạt động bán hàng đơn thuần. Trong 4 năm qua, hàng tồn kho có xu hướng tăng rõ rệt, lượng hàng hóa bán ra cũng tăng tuy nhiên tốc độ tăng của bình quân hàng tồn kho vẫn mạnh hơn giá vốn hàng bán dẫn đến vòng quay hàng tồn kho giảm. Tuy nhiên với 3,86 vòng thì hiệu quả hoạt động của công ty vẫn đảm bảo. Vòng quay tài sản tăng lên trong năm cho thấy hiệu suất sử dụng tài sản đang có xu hướng tốt hơn nữa.

Năm qua Công ty đẩy mạnh các dự án mới như du lịch, công nghệ,... do đó chi phí để khởi động dự án, R&D, đãi ngộ nhân sự, quảng bá hình ảnh,.... tăng cao. Đặc biệt chi phí lãi vay tăng đến 209,2%, chi phí bán hàng tăng 38,63%. Mặc dù lợi nhuận gộp tăng đến 90,33% nhưng lợi nhuận trước thuế đã giảm đến 73,07%. Chính vì vậy mà các hệ số sinh lợi trong năm qua giảm mạnh so với 2013.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Cổ phần

Số lượng cổ phiếu công ty đăng ký phát hành	: 9.569.900 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 VNĐ
Số cổ phiếu ưu đãi	: không
Số cổ phiếu phổ thông	: 9.569.900 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	: không
Cổ phiếu đang lưu hành	: 9.569.900 cổ phiếu
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	: 9.569.900 cổ phiếu
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	: không

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

Các chứng khoán khác: không

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng CP sở hữu			Tỷ lệ sở hữu CP
		Tự do chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	
I	**Cổ đông Nhà nước**	**6.699.000**	**-**	**6.699.000**	**70,0%**
II	**Cổ đông nội bộ**	**1.100**	**-**	**1.100**	**0,01%**
III	**Cổ đông trong nước**	**2.532.300**	**-**	**2.532.300**	**26,5%**
	Cá nhân	2.480.830	-	2.480.830	25,9%
	Tổ chức	51.470	-	51.470	0,5%
IV	**Cổ đông nước ngoài**	**337.500**	**-**	**337.500**	**3,5%**
	Cá nhân	91.300	-	91.300	1,0%
	Tổ chức	246.200	-	246.200	2,6%
	Tổng cộng	**9.569.900**	**-**	**9.569.900**	**100%**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2014 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Sản xuất kinh doanh chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm; năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp... Trước bối cảnh đó; Chính phủ, Thủ tướng chính phủ ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, quyết định nhằm tiếp tục ổn định vĩ mô, tháo gỡ khó khăn và cải thiện môi trường kinh doanh, tạo đà tăng trưởng, bảo đảm công tác an sinh xã hội cho toàn dân.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TIE cũng không nằm ngoài sự tác động của tình hình kinh tế hiện tại và đã gặp một số khó khăn nhưng cũng có được những thuận lợi trong năm qua.

Thuận lợi

- Công tác tái cấu trúc bộ máy nhân sự bước đầu đã thành công. Bộ máy hoạt động được tinh gọn hơn, làm việc hữu hiệu hơn nên đã mang lại hiệu quả cho Công ty;
- Với tinh thần "*dám nghĩ dám làm*" cùng với việc tái cấu trúc trong hoạt động kinh doanh, Công ty đã mạnh dạn loại bỏ những sản phẩm đang kinh doanh không mang lại hiệu quả; đồng thời nghiên cứu, phát triển những sản phẩm mới có tỷ suất lợi nhuận cao;

Khó khăn

- Việc chuyển nhượng phần vốn góp của TIE tại Công ty SAMSUNG VINA đã làm giảm đi một phần thu nhập đáng kể trong lợi nhuận của Công ty;
- Xu hướng hướng tới sự tiện lợi và tính di động trong những năm gần đây đã làm thay đổi sở thích của người tiêu dùng khi ngày càng nhiều người chuyển sang mua các thiết bị di động như điện thoại thông minh (smartphone) hay máy tính bảng và động thái này chắc chắn tác động đến nhu cầu của thị trường máy tính xách tay nói chung và máy tính để bàn nói riêng làm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ màn hình vi tính của Công ty;
- Cạnh tranh nội bộ ngành (sản phẩm IT) ngày càng gay gắt và khốc liệt;
- Tình hình sản xuất gặp nhiều khó khăn, quy mô sản xuất nhỏ, chỉ sản xuất những đơn hàng đơn chiếc, giá trị thấp;
- Đơn giá thuê đất tại các mặt bằng được Nhà nước giao khi cổ phần hóa đã tăng gấp 4 lần so với năm 2011 làm tăng chi phí hoạt động của Công ty.

Nền kinh tế đã thoát đáy và đang nhích từng bước đi lên nhưng tổng cầu vẫn yếu, nợ xấu không được giải quyết hiệu quả và đang có xu hướng tăng lên, tín dụng không đến được với nền kinh tế; tốc độ phục hồi chậm. Điều đáng lưu ý là khu vực tư nhân Việt Nam ngày càng yếu đi, tỷ trọng xuất khẩu của khu vực này trong năm 2014 so với kim ngạch xuất khẩu của khối FDI chỉ chưa bằng 50%. Hệ thống phân phối cũng đang bị các nhà đầu tư nước ngoài xâm lấn, FDI cũng đã chiếm tỷ trọng gần 70% tổng giá trị sản xuất công nghiệp cả nước.

Kết quả kinh doanh một số mặt hàng chủ yếu trong năm 2014 như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	KH 2014	TH 2014	%TH/KH 2014	%TH 2014/2013
Tổng doanh thu	385.300.316.590	385.500.000.000	389.005.095.191	100,9%	101,0%
Lợi nhuận trước thuế	55.775.301.594	25.000.000.000	15.020.346.374	60,1%	26,9%

- Màn hình vi tính các loại : 69.521 cái, giảm 24,3% so với năm 2013.
- Máy tính tiền các loại : 769 cái, giảm 11,9% so với năm 2013.
- Thiết bị lưu trữ : 13.991 cái, giảm 18,9% so với năm 2013.
- Tập, giấy Vĩnh Tiến : 85,8 tỷ đồng.

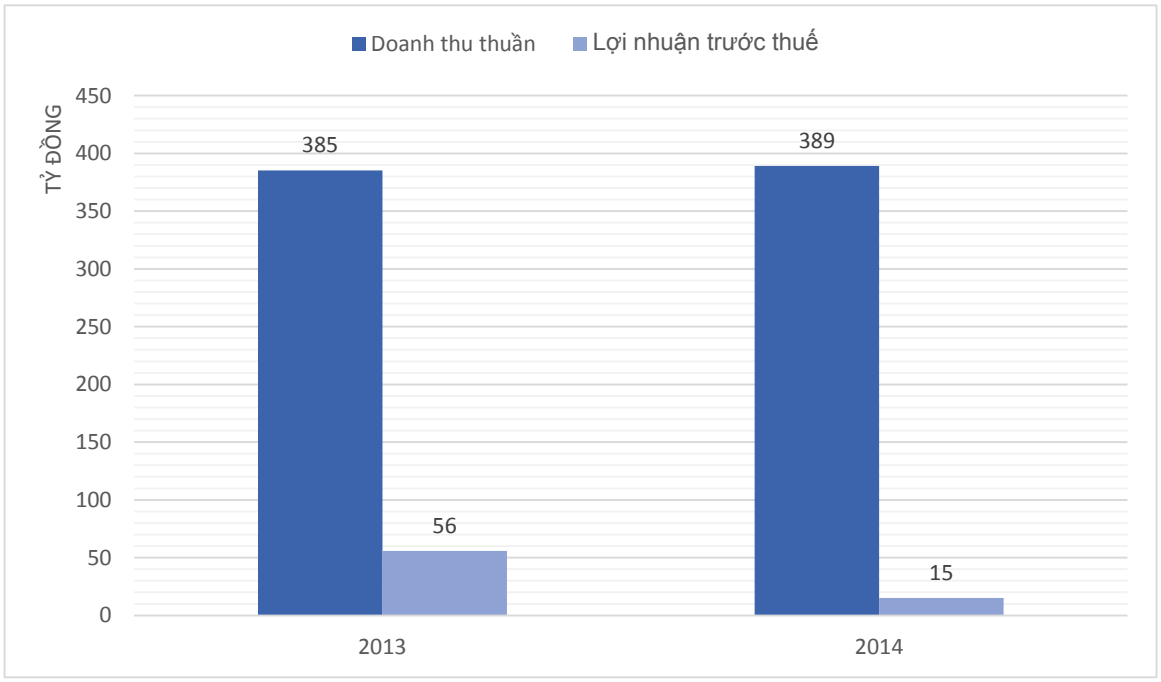

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản	2012	2013	2014	2013/2013 (%)
Tài sản ngắn hạn	168.080.588.328	304.483.968.154	260.416.340.495	-14,5%
Tài sản dài hạn	134.498.589.373	86.100.260.647	114.963.268.047	33,5%
Tổng tài sản	302.579.177.701	390.584.228.801	375.379.608.542	-3,9%
Tình hình nợ phải trả	**2012**	**2013**	**2014**	**2013/2013 (%)**
Nợ ngắn hạn	55.625.872.448	114.378.810.353	109.955.441.631	-3,9%
Nợ dài hạn	0	200.0000.000	200.0000.000	0,0%
Tổng nợ	55.625.872.448	116.378.810.353	111.955.441.631	-3,8%

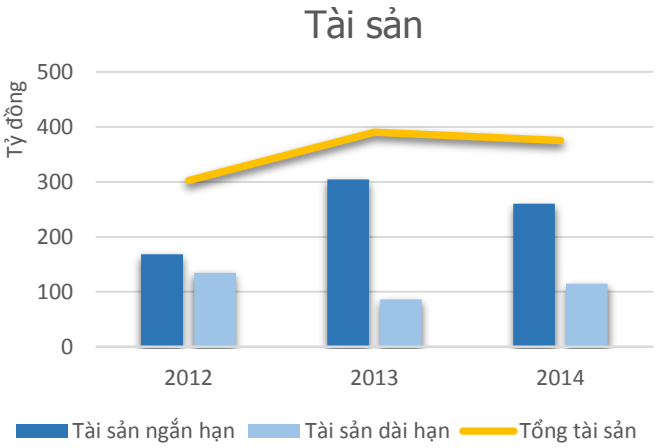

Tài sản trong 3 năm qua tăng trưởng rõ rệt, năm qua giảm nhẹ 3,9% so với 2013 và có xu hướng tăng dần về tài sản ngắn hạn. Trong năm công ty đã lập dự phòng cho các khoản công nợ quá hạn thanh toán có tổng giá trị 1,3 tỷ đồng và dự phòng nợ khó đòi trị giá 5,6 tỷ đồng. Tổng của khoản dự phòng là 6,9 tỷ đồng, giảm 3,2 tỷ so với năm trước.

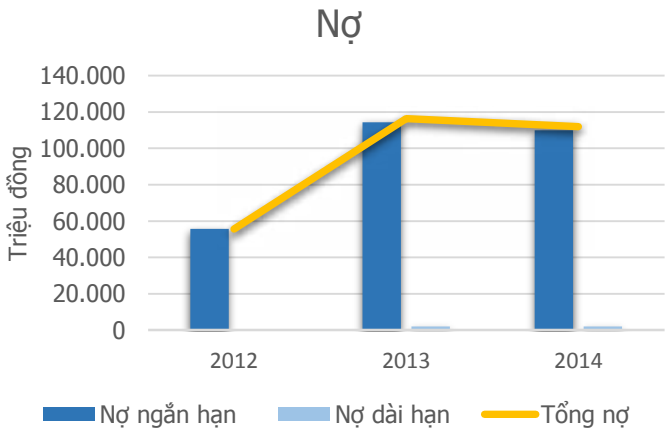

Từ năm 2013, Công ty đã gia tăng việc sử dụng đòn bẩy tài chính cho các hoạt động mới của mình. Xét về cơ cấu, nợ ngắn hạn vẫn chiếm ưu thế. Khoản 2 tỷ đồng là quỹ phát triển khoa học công nghệ công ty đã trích lập theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2013. Không có nợ phải trả quá hạn vì loại trừ hàng tồn kho, thì giá trị của tài sản ngắn hạn đã gấp 1,72 lần sô nợ ngắn hạn mà TIE phải trả. Có thể nói rằng tài chính của công ty đang duy trì với tình trạng lành mạnh, vấn đề còn lại Công ty tập trung tăng trưởng về tỷ suất sinh lợi từ các dự án mới khởi động.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Để nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, Ban lãnh đạo ngoài việc tìm ra những lối đi mới tạo bước đột phá còn đặc biệt quan tâm đến việc thu hút nhân sự chất lượng cao đầu quân về làm việc tại Công ty. Năm 2014 công ty tiếp tục tổ chức thực hiện tái cấu trúc nhân sự và hoàn chỉnh bộ máy hoạt động. Đồng thời, để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện nay, công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo cho nhân viên, kết hợp đào tạo nội bộ và bên ngoài, với nội dung về chuyên môn và kỹ năng mềm.

Ngoài ra, để đãi ngộ nhân sự xứng đáng và cạnh tranh, Công ty đã điều chỉnh bản mô tả công việc và phương thức đánh giá kết quả công việc, hệ thống thang bảng lương, thưởng gắn với trách nhiệm công việc, hiệu quả lao động và sự đóng góp cho công ty; đồng thời, nâng cao hiệu suất làm việc của nhân viên.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận

- *Tổng Doanh thu: 387 tỷ đồng bằng 99,75% số thực hiện năm 2014;*
- *Lợi nhuận thực hiện: 10 tỷ đồng bằng 65,53% số thực hiện năm 2014.*

Doanh thu các nhóm sản phẩm

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Doanh thu 2015	Tỷ trọng DT 2015
1	Màn hình Samsung	28.000.000.000	7,24%
2	Màn hình Philip	30.000.000.000	7,75%
3	Giải pháp máy tính tiền	12.000.000.000	3,10%
4	Sản phẩm Adata	12.000.000.000	3,10%
5	Hàng gia dụng và quang báo	1.600.000.000	0,41%
6	Giấy, tập, văn phòng phẩm	149.700.000.000	38,68%
7	Doanh thu Siêu thị Coop	31.000.000.000	8,01%
8	Dịch vụ du lịch	35.000.000.000	9,04%
9	Doanh thu dự án	85.000.000.000	21,96%
10	Bảo hành	2.700.000.000	0,70%
Tổng cộng		**387.000.000.000**	**100,00%**

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch, định hướng của HĐQT

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Hoạt động sản xuất

Hoạt động sản xuất của Công ty trong năm 2014 chủ yếu là sản xuất và lắp đặt các bảng điện tử. Sản phẩm là bảng hiển thị giá vàng, bảng quảng cáo LED vẫy, bảng chữ chạy và dịch vụ bảo hành - sửa chữa sản phẩm quang báo. Trong năm 2014 do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế cũng như tiết kiệm chi phí hoạt động, các ngân hàng không mở rộng quy mô nên Công ty đã không sản xuất bảng hiển thị tỷ giá. Sản lượng sản xuất và lắp đặt trong năm 2014 là 17 bảng giảm 50% so với năm 2013.

Bên cạnh dòng sản phẩm bảng điện tử là bếp hồng ngoại TIE. Tổng số lượng bếp các loại bán ra trong năm 2014 được 1.757 bếp tương đương với sản lượng tiêu thụ trong năm 2013.

Hoạt động dịch vụ

✓ Về bảo hành sản phẩm

Trung tâm bảo hành Samsung luôn nhận được sự khen tặng cũng như sự tín nhiệm từ đối tác là Công ty Samsung Vina về lĩnh vực bảo hành các sản phẩm mang thương hiệu Samsung. Từ đó nói lên được chất lượng dịch vụ, chất lượng phục vụ và chăm sóc khách hàng tại Trung tâm bảo hành nhằm đem lại sự thỏa mãn và hài lòng cao nhất cho khách hàng khi đến Trung tâm. Bên cạnh chức năng chính của mình, Trung tâm còn thực hiện bảo hành tất cả các sản phẩm do TIE kinh doanh và phân phối tại 760 Điện Biên Phủ, quận 10, TP.HCM. Năm 2014, Trung tâm bảo hành đã thực hiện được 1.542 máy bảo hành, tăng 45,47% so với năm 2013.

✓ Về dịch vụ du lịch

Thương hiệu TIE Travel được đầu tư trong gần 02 năm qua với tên gọi Trung tâm điều hành du lịch TIE hiện hoạt động mạnh mẽ và năng động tại địa chỉ 52 Thành Thái, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh. Trung tâm với chức năng kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế; cung cấp dịch vụ chất lượng với giá cả hợp lý. Hiện tại, Trung tâm điều hành du lịch đã xây dựng được hệ thống các nhà cung cấp, các đại lý du lịch và là đại lý cấp 02 của các hãng vé máy bay trong nước và quốc tế. Trong năm 2014; Trung tâm đã gặt hái được kết quả khả quan với doanh thu là 7,1 tỷ đồng tăng 250% so với năm 2013.

- Tình hình sản xuất gặp nhiều khó khăn, quy mô sản xuất nhỏ, chỉ sản xuất những đơn hàng đơn chiếc, giá trị thấp;
- Đơn giá thuê đất tại các mặt bằng được Nhà nước giao khi cổ phần hóa đã tăng gấp 4 lần so với năm 2011 làm tăng chi phí hoạt động của Công ty.

Hoạt động đầu tư, dự án

Khu giải trí và bán hàng lưu niệm Chi nhánh TIE tại Phú Quốc

Nằm ngay trên trục đường du lịch chính tại trung tâm của Phú Quốc và là điểm thu hút khách du lịch đến mua sắm. Trong năm 2014, Khu giải trí và bán hàng lưu niệm đạt được:

- Hợp tác với Saigon Co.op kinh doanh bán lẻ siêu thị, hàng lưu niệm, đặc sản các vùng miền và là điểm bán hàng bình ổn duy nhất hiện nay tại Phú Quốc. Doanh thu bán hàng năm 2014 đạt được 11,174 tỷ đồng;
- Triển khai cung cấp thực phẩm cho các Resort, nhà hàng, khách sạn tại Phú Quốc;
- Đang đàm phán hợp tác kinh doanh nhà hàng.

Công trình Trung tâm điều hành du lịch TIE Travel và Trung tâm điều hành hệ thống định vị toàn cầu

Đã chính thức đưa vào sử dụng từ ngày 29/10/2014. Việc khai trương công trình đã tạo hình ảnh mới của Công ty, tạo thuận lợi cho việc tiếp cận và quảng bá thương hiệu TIE Travel đến với khách hàng.

Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn

Trong năm 2014 đã đạt được một số kết quả như sau:

- Hợp tác với Đại học Quốc Gia TP.HCM về R&D (nghiên cứu & phát triển)
  - » Ký thỏa thuận ghi nhớ hợp tác với Trung tâm địa tin học (GEOC) để tư vấn các dự án GIS tại TP.HCM và các tỉnh thành;
  - » Hợp tác với công viên phần mềm để tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ lập các dự án khoa học công nghệ để sử dụng nguồn hỗ trợ của Bộ Khoa học công nghệ cho sản xuất thử nghiệm;
- Hợp tác với các công ty nước ngoài về R&D
  - » Esri (chuyên về bản đồ số và các ứng dụng trong quản lý nhà nước, quản lý doanh nghiệp): giải pháp MGIS cho khu vực Tây Nam Bộ theo đề án do Đại học Quốc Gia TP.HCM chủ trì;
  - » Intel, Cisco: xây dựng giải pháp về hệ thống mạng và các sản phẩm công nghệ cao (Access Point, Module GPS, Điện kế điện tử…)
- Chủ động kinh doanh
  - » Cung cấp phần mềm, linh kiện, thiết bị điện tử cho các đơn vị nghiên cứu;
  - » Cung cấp giải pháp và thiết bị cho các dự án thầu tại các tỉnh miền Tây.
- Doanh thu năm 2014 đạt 6,69 tỷ đồng.

Dự án 376 Điện Biên Phủ

Trong năm 2014 chủ yếu thực hiện các thủ tục pháp lý để xin chủ trương thực hiện Dự án "*Thương mại – Dịch vụ – Văn phòng và Căn hộ*" và đã đạt được một số công việc như sau:

- UBND TP.HCM có thông báo số 700/TB-VP ngày 30/08/2014 về việc chấp thuận đề xuất của Sở Quy hoạch – Kiến trúc về các chỉ tiêu quy hoạch;
- Ngày 09/12/2014 Sở QH – KT cấp Giấy phép quy hoạch số 130/GPQH cho dự án "Thương mại – Dịch vụ – Văn phòng và Căn hộ";
- Đã nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng đăng ký làm chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở thương mại;
- Đã nộp hồ sơ tại Sở Tài nguyên & Môi trường xin giao đất để sử dụng vào mục đích Thương mại – Dịch vụ – Văn phòng và Căn hộ với thời hạn lâu dài.

Công ty TNHH Vĩnh Tiến – TIE

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 18/07/2014 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Công ty Vĩnh Tiến – TIE là sự hợp tác giữa Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến và Công ty Cổ phần TIE, chuyên sản xuất – kinh doanh giấy và các sản phẩm từ giấy. Mặc dù mới được thành lập trong vòng 08 tháng, nhưng đến nay Công ty Vĩnh Tiến – TIE đã hoàn thành một số hạng mục cơ bản sau:

- Hoàn thành việc lắp đặt, vận hành nghiệm thu thiết bị 02 dây chuyền sản xuất tập vở học sinh tự động (Xuất xứ: CHLB Đức), 01 máy in 04 màu (2/2) (xuất xứ Nhật) và các máy phụ trợ khác;
- Hoàn thành lắp đặt mới trạm biến áp 03 pha 250KVA và cải tạo lại nhà kho thuê để phù hợp với mục đích sử dụng;
- Hoàn thành chọn lựa và ký kết hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp: giấy, vật tư in, bao bì ...;
- Đã thống nhất 06 mẫu bìa sản xuất đợt 01 (phân khúc giá rẻ) cung cấp cho thị trường miền Trung và miền Bắc;
- Hoàn thành việc đăng ký sở hữu nhãn hiệu, thương hiệu hàng hóa: Vintis, TBook, TPic, Tpaper.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Qua công tác phân công nhiệm vụ và giám sát thực hiện, HĐQT nhận thấy BanTổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực và thể hiện được tinh thần trách nhiệm trong việc điều hành doanh nghiệp, nghiêm túc triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV công ty đã cùng cố gắng để đưa TIE cán đích 2014. Tuy nhiên, năm vừa qua chỉ tiêu về lợi nhuận đã không hoàn thành kế hoạch đề ra, đây không phải là trách nhiệm của riêng Ban Tổng giám đốc mà toàn thể Ban lãnh đạo cần xem xét để đưa ra giải pháp thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tối đa hóa mục tiêu lợi nhuận cho Cổ đông, Công ty.

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2015, Thế giới sẽ vẫn đối diện với nhiều thách thức và lúng túng về tái cấu trúc và tìm kiếm mô hình, động lực tăng trưởng mới. Dù vẫn giữ gam màu chủ đạo là tiếp tục hồi phục và phát triển cao hơn năm 2014, song nhìn chung kinh tế Thế giới năm 2015 sẽ khó đoán hơn do gắn với khá nhiều diễn biến phức tạp chi phối nhau, cả kinh tế và chính trị: giá dầu mỏ; sự trồi sụt, bất ổn của nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới; sức ép lạm phát chung có thể gia tăng gắn với sự tăng giá một số nguyên liệu đầu vào thiết yếu và nhu cầu tiêu dùng, đầu tư tăng lên.

Kinh tế Việt Nam năm 2015 về tổng thể, doanh nghiệp còn chịu nhiều áp lực bởi lãi suất trong khi sức mua trong nước vẫn còn rất yếu. Tăng trưởng GDP sẽ tiếp tục ở mức khiêm tốn, trạng thái ổn định kinh tế vĩ mô sẽ tiếp tục được củng cố và sẽ chuyển sáng đậm nét, vững chắc hơn năm 2014.

Về phía TIE, với đề án tái cấu trúc trong giai đoạn 2012 – 2015, có tính đến 2020; Công ty Cổ phần TIE tiếp tục tập trung vào 04 lĩnh vực: ***Thương mại, Dịch vụ, Đầu tư, Sản xuất***. Trong đó, 03 lĩnh vực đầu phục vụ mục tiêu ngắn hạn và trung hạn, lĩnh vực ***Sản xuất*** là mục tiêu chiến lược lâu dài, ổn định trong tương lai của TIE.

Về công tác quản trị Công ty

Tiếp tục tổ chức thực hiện tái cấu trúc nhân sự và hoàn chỉnh bộ máy hoạt động của Công ty;

Thường xuyên tổ chức đào tạo, đào tại lại *(nội bộ và bên ngoài);*

Ban lãnh đạo đặc biệt chú trọng việc thu hút nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao đầu quân về làm việc tại Công ty;

Điều chỉnh bản mô tả công việc và phương thức đánh giá kết quả công việc, hệ thống thang bảng lương, thưởng gắn với trách nhiệm công việc, hiệu quả lao động và sự đóng góp cho công ty; đồng thời, nâng cao hiệu suất làm việc của nhân viên.

Về hoạt động kinh doanh

Duy trì là đối tác phân phối tin cậy của các thương hiệu điện tử SAMSUNG, CASIO, ADATA, PHILIP;

Phát triển phân phối thêm một số nhãn hiệu khác đến từ Châu Âu (Vestel – hiện đang trong quá trình đàm phán) đặt mục tiêu đạt 3 - 5% thị phần phân phối sản phẩm IT tại Việt Nam;

Phát triển hệ thống phân phối sản phẩm văn phòng phẩm và tập vở phủ khắp cả nước. Cùng đối tác Vĩnh Tiến đạt mức 10% thị phần tập vở tại Việt Nam. Hiện đang xúc tiến phát triển thương hiệu riêng của TIE và đặt gia công OEM sản phẩm bút bi trong và ngoài nước để phân phối tại Việt Nam;

Ngoài siêu thị đầu tiên đang hợp tác kinh doanh bán lẻ với Saigon Co.op tại Phú Quốc, TIE sẽ tiếp tục phát triển thêm 2- 3 siêu thị tiện ích nữa trên toàn quốc trong thời gian tới.

Về hoạt động dịch vụ

Củng cố và phát triển thương hiệu TIE Travel với phương châm chất lượng tốt nhất và giá cả hợp lý.

Tiếp tục đẩy mạnh nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm bảo hành Samsung và các trạm bảo hành tại Hà Nội, Đà Nẵng, Phú Quóc nhằm gia tăng giá trị dịch vụ của TIE trong lĩnh vực phân phối;

Về hoạt động sản xuất

Đẩy mạnh công tác tiếp thị và bán hàng để gia tăng sản lượng sản xuất và lắp đặt bảng quang báo. Bên cạnh đó không ngừng cải tiến quy trình sản xuất, tìm kiếm linh kiện có chất lượng ổn định nhằm giảm giá thành sản phẩm và tạo uy tín thương hiệu;

Nhà máy Vĩnh Tiến – TIE tại Hải Dương: Dự kiến trong quý II/2015 sẽ chính thức khánh thành nhà máy sản xuất tập vở, văn phòng phẩm với công xuất từ 20 – 50 triệu sản phẩm/năm.

Về hoạt động phát triển khoa học công nghệ

Với pháp nhân là Công ty giải pháp thông minh Sài Gòn, sự hợp tác giữa TIE với Đại học Quốc gia Tp.HCM, với mục tiêu phát triển nghiên cứu khoa học công nghệ, thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu; đặc biệt chú trọng đến công nghệ cao có hàm lượng chất xám lớn.

Sản phẩm đầu tiên TIE dự kiến thương mại hóa cả phần cứng và giải pháp phần mềm cho hộ gia đình và doanh nghiệp là bộ phát tín hiệu internet không dây (Access Points – hay còn gọi là thiết bị Wifi).

Về đầu tư và dự án

✓ Dự án 376 Điện Biên Phủ

Cùng Công ty Cổ phần Eximland hoàn tất các thủ tục pháp lý trong quý II/2015 và nỗ lực đưa dự án Thương mại – Dịch vụ - Văn phòng & Căn hộ khởi công xây dựng trong thời gian sớm nhất;

✓ Dự án khai thác 7.800m2 đất tại Phú Quốc

Khu bán hàng lưu niệm và Siêu thị Co.op; Café Bar; Nhà hàng; Game center và nhà nghỉ cho nhân viên với tên gọi Trung tâm The Sea; trong năm 2015 tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng cơ bản để hoàn thiện hệ thống kinh doanh khép kín trên diện tích 3.900m2;

+ *Kinh doanh siêu thị Co.op:* tiếp tục phát huy những ưu điểm hiện có và mở rộng siêu thị để kinh doanh hàng lưu niệm. Do đặc thù Siêu thị Co.op đang cung cấp hàng hóa cho các nhà hàng, khách sạn tại Phú Quốc nên cần hợp tác với đối tác để đảm bảo mục tiêu kinh doanh của Siêu thị.

+ *Khu phức hợp (Café, nhà hàng và Game center): Đã thỏa thuận với đối tác về việc hợp tác và phương án khai thác kinh doanh. Tranh thủ hoàn tất mọi thủ tục pháp lý để đưa khu kinh doanh phức hợp này sớm đi vào hoạt động*;

+ Tìm kiếm đối tác xây dựng khu du lịch và nghỉ dưỡng (khách sạn 3 sao) nhằm khai thác hiệu quả khu đất 7.800 m^2 tại Phú Quốc;

✓ Trung tâm điện máy TIE Phú Quốc

Năm 2015, Công ty sắp xếp lại hoạt động kinh doanh tại Phú Quốc như sau:

+ Điều chuyển mảng kinh doanh các sản phẩm điện tử, điện gia dụng về Trung tâm The Sea nhằm tiết giảm chi phí hoạt động. Đồng thời, sử dụng nguồn khách hàng trung thành mua sắm tại Siêu Thị Co.op để tăng doanh thu bán lẻ;

+ Dự án 52 Thành Thái: Địa điểm 52 Thành Thái, phường 12, quận 10, TP.HCM hiện là văn phòng Công ty TIE, văn phòng Trung tâm điều hành du lịch TIE và nhà kho. Do đơn giá thuê đất đã tăng gấp 4 lần so với năm 2011 nên Công ty hiện đang thực hiện các thủ tục pháp lý và tìm kiếm đối tác hợp tác thực hiện dự án. Vì vậy, để sử dụng quỹ đất hiệu quả, phù hợp với định hướng quy hoạch chung của quận 10 và tiết kiệm chi phí hoạt động, kính xin ý kiến Quý vị cổ đông chấp thuận chủ trương triển khai dự án: "Thương mại dịch vụ - văn phòng kết hợp ở" tại địa chỉ 52 Thành Thái, phường 12, quận 10. Đồng thời, ủy quyền cho HĐQT Công ty được quyết định trong việc tìm kiếm, lựa chọn đối tác có năng lực để hợp tác triển khai và thực hiện dự án

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Hội đồng quản trị
- Ban Tổng giám đốc
- Ban kiểm soát
- Thay đổi nhân sự trong HĐQT, Ban Tổng giám đốc & Ban kiểm soát
- Tình hình nhân sự

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Đức Dũng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1956

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Vật lý – Điện tử; Cử nhân Kinh kế Ngoại thương; Cử nhân Chính trị; Cử nhân Anh Văn, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Ngoại thương

Quá trình công tác

- *1979 – 1983: Cán bộ Ban Công nghiệp – GTVT Quận 6, UVBCH Quận đoàn Quận 6*
- *1983 - 1987: Cán bộ Tổng hợp Văn phòng UBND Quận 6, Đại biểu HĐND Quận 6/ K.IV*
- *1987 – 1993: Phó Chủ nhiệm Ban Liên hiệp xã/TTCN/Q.6, Trưởng Phòng Công nghiệp/TTCN/Q6, Bí thư Chi bộ*
- *1993 - 2002: Chánh Văn phòng HĐND – UBND Quận 6, Bí thư Chi bộ, UVBCH Đảng bộ Khối Chính quyền Quận 6, NKI và II*
- *2002 – 2007: Công tác tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM với các nhiệm vụ sau:*
    - *Phó trưởng phòng kế hoạch – Tổng hợp*
    - *Trưởng phòng Công nghiệp – Dịch vụ*
    - *Trưởng phòng Kinh tế*
    - Tháng 3/2007 – Nay: Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Chức vụ tại tổ chức khác

- *Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn một thành viên*
- *Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần SAHABAK*

Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: *4.402.224* cổ phần (đại diện phần vốn Nhà nước)

Ông Vũ Quốc Vinh

TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Điện (trường Đại học Sư phạm kỹ thuật),

Chứng chỉ Giám đốc điều hành chuyên nghiệp CEO (trường PACE),

Cao cấp lý luận chính trị - Hành chính (Học viện Chính trị Hành chính Quốc Gia khu vực II)

Quá trình công tác

- 1985 - 1992: Phó quản đốc Nhà máy Thuốc Lá Bến Thành
- 1993- 2006: Giám đốc nhà máy trực thuộc Công ty Thuốc Lá Bến Thành
- 2006 – 11/2010: Giám đốc nhà máy trực thuộc Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn
- 12/2010 - Nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần TIE.

Chức vụ tại tổ chức khác:

- *TV HĐQT Công ty cổ phần BĐS Sài Gòn Đông Dương.*
- *CT HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư TIE-EXIM.*
- *CT HĐTV Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn.*
- *TV HĐTV Công ty TNHH Vĩnh Tiến – TIE*

Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền:

- *Cá nhân 1.100 cổ phần*
- *Ủy quyền 1.435.485 cổ phần (đại diện phần vốn Nhà nước)*

Bà Phạm Thúy Oanh

TV HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- 1997 – 06/2007: Chuyên viên Cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp TP.Hồ Chí Minh, Chi cục tài chính doanh nghiệp TP.HCM.
- 07/2007 – nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần TIE

Chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần TIE-EXIM

Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 478.495 cổ phần (đại diện phần vốn nhà nước)

Ông Hoàng Minh Trí

TV HĐQT không điều hành

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn

Quản trị kinh doanh, Ngoại ngữ

Quá trình công tác

- 1995-1996" Cty May Gollas – Gò Vấp – Nhân viên
- 1996-2004: Cty TNHH MTV Cao su Thống Nhất – NV P. Kỹ thuật sản xuất
- 2005-nay: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV – GĐ Hành chính – Nhân sự

Chức vụ tại tổ chức khác: Giám đốc Hành chính – Nhân sự Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV.

Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 382.796 CP (đại diện phần vốn nhà nước)

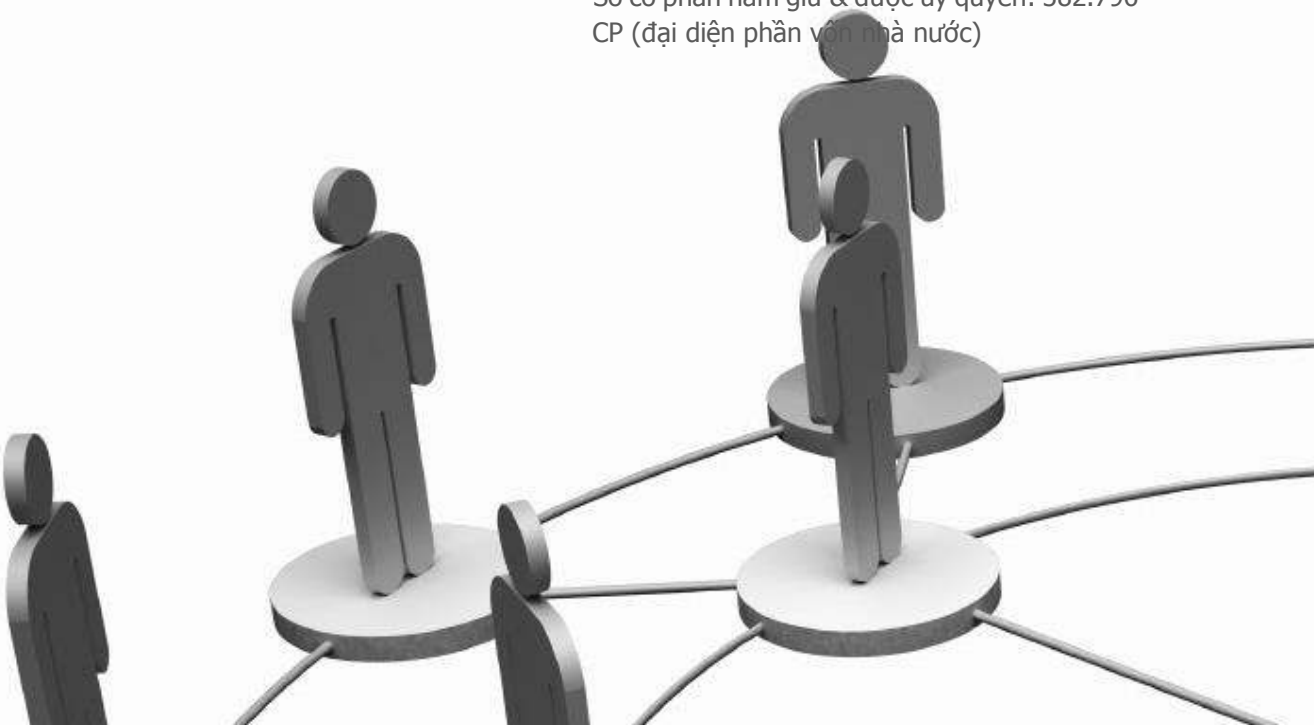

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Quốc Vinh – Tổng Giám đốc

Xem lý lịch tại mục HĐQT

Ông LÊ NGỌC HƯNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1980

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng / Trung cấp Lý luận chính trị

Quá trình công tác

- 2003 – 2009: Làm việc tại Quận Đoàn 1, đảm nhiệm các chức danh Chủ tịch Hội liên hiệp Thanh niên, Ủy viên thường vụ Quận Đoàn.
- 10/2009 - 09/2012: Giám đốc Công ty CP Tư vấn TMDV Khởi Minh
- 10/2012 – 05/2014: Giám đốc Chiến lược Công ty Cổ Phần TIE
- 5/2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần TIE

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn (SGS) – Công ty con của TIE
- Tổng giám đốc Công ty TNHH Vĩnh Tiến – TIE

Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 0

Ông TRỊNH VŨ
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh**: 1974**

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ

Quá trình công tác

- 03/1997 – 12/1998: Cửa Hàng Trưởng Công ty HT&Co
- 01/1999 – 12/2000: Giám Đốc Ngành Hàng CTCP Vùng Đất Kỹ Thuật Số (Digiland)
- 01/2001 – 12/2003: Giám Đốc Sản Phẩm CTCP Thế Giới Số (Digiworld)
- 01/2004 – 12/2007: Phó Giám Đốc Công ty Anh Em
- 03/2008 – 03/2013: Giám Đốc Chi nhánh Công ty Phân Phối CMC
- 04/2013 – 02/2014: Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám Đốc Chi nhánh Công ty Sản Xuất và Thương Mại CMC (Công ty CMC P&T là hợp nhất giữa Công ty Phân Phối CMC và Công ty Máy tính CMS)
- 03/2014 – 01/2015: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần TIE

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 0 cổ phần

Bà Phạm Thúy Oanh – Kế toán trưởng

Xem lý lịch tại mục HĐQT

Ban kiểm soát

Bà Đặng Thị Hoàng Anh – Trưởng BKS

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (Kế toán Kiểm toán); Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác

- *10/1999 – 07/2000 : Nhân viên phòng Kế hoạch Vật tư - Công ty Thuốc lá Bến Thành*
- *07/2000 - 08/2006: Nhân viên phòng Kế toán Thống kê - Công ty Thuốc lá Bến Thành*
- *08/2006 – 11/2011: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn*
- *11/2011 – nay: Phó phòng Tài chính Kế toán – Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH MTV*

Chức vụ tại tổ chức khác: Phó phòng Tài chính Kế toán – Tổng CT Công nghiệp Sài Gòn TNHH MTV

Số CP nắm giữ: 200 CP

Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - TV BKS

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn**:** Cử nhân Ngữ văn Anh

Quá trình công tác

- *2000 – 2008: Nhân viên phòng Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu – CTCP TIE*
- *2008 – 9/2009: Nhân viên phòng Nghiên cứu & Phát triển –CTCP TIE*
- *9/2009 – 11/2011: Phó Giám Đốc Nghiên cứu & Phát triển – CTCP TIE*
- *12/2011 – 05/2012: Phó Giám Đốc Đầu tư & Dự án – CTCP TIE*
- *05/2012 – nay: Phó Giám Đốc HC-NS – CTCP TIE*

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ: 0 CP

Ông Đặng Chu Dũng - TV BKS

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ quản trị kinh doanh – Chuyên ngành tài chính công ty; Cử nhân Ngoại ngữ; Chứng chỉ Kế toán trưởng; Chứng chỉ Chuyên viên tài chính cao cấp; Chứng chỉ Kiểm soát viên chuyên nghiệp (Hội kế toán TP)

Quá trình công tác

- 1992 – 2000: Kế toán trưởng Công ty TNHH Hoàng Liên
- 2001 – 2006: Tổ trưởng bán hàng Xí nghiệp ISAMCO – Tổng Công ty SAMCO
- 2007 – 05/2008: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Ô tô An Thái
- 07/2008 – 09/2008:Chuyên viên tài chính Công ty Cổ phần TIE
- 10/2008 – 12/2008: Trợ lý Tổng giám đốc Công ty Cổ phần TIE
- 01/2009 – 11/2011: Giám đốc Nghiên cứu & Phát triển Công ty Cổ phần TIE
- 12/2011 – nay : Giám đốc Đầu tư & Dự án Công ty Cổ phần TIE
- 05/2009 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần TIE

Chức vụ tại tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần TIE – EXIM

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

Thay đổi nhân sự trong HĐQT, Ban Tổng giám đốc & Ban kiểm soát

Ngày 30/4/2014, Hội đồng quản trị đã thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT và Phó Tổng giám đốc của Ông Đoàn Vinh Quang, đồng thời Ông Trịnh Vũ được bổ nhiệm ngày 14/02/2014 cũng không còn nắm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty vào ngày 27/01/2015

Tình hình nhân sự

STT	Tính chất phân loại	Số lượng 2014	Tỷ lệ 2014
A	**Theo trình độ**	**168**	**100%**
1	Trên Đại học	2	1,19%
2	Đại học	51	30,36%
3	Cao đẳng	51	30,36%
4	Khác	64	38,10%
B	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**168**	**100%**
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	59	35,12%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	106	63,10%
3	Hợp đồng theo thời vụ	3	1,79%

Chính sách lương, thưởng cho CBCNV năm 2014

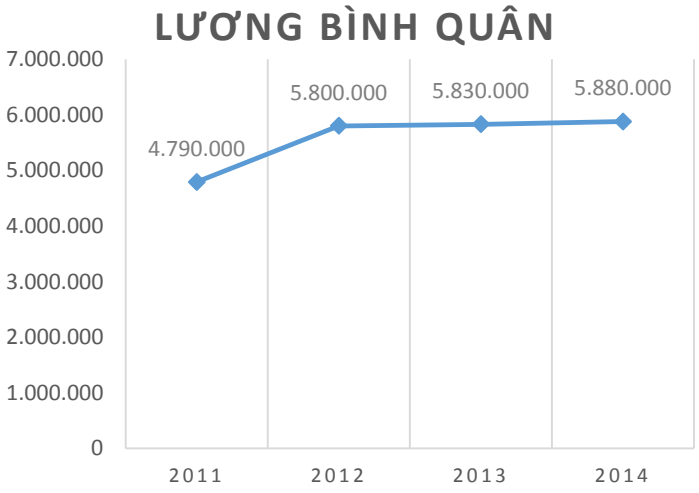

- Điều chỉnh hệ thống thang lương, bảng lương theo Nghị định số 182/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp.Theo đó, mức lương tối thiểu vùng 2014 đã tăng khoảng 14% so với năm 2013. Mức lương này được áp dụng kể từ ngày 01/01/2014. Nghị định trên có hiệu lực ngày 31/12/2013.
- Điều chỉnh hệ thống thang bậc lương theo chức danh phản ánh đúng công việc của người lao động, xác định được tiêu chí trả lương theo năng suất (lương khoán, lương kinh doanh...) dựa trên cơ sở hệ thống đánh giá thành tích khách quan, bám sát mức lương trên thị trường, bám sát nguyện vọng của nhân viên.

- Điều chỉnh kết cấu tiền lương gắn với năng suất lao động, kết hợp hình thức trả lương theo chức danh công việc, trả lương theo năng suất và có tính đến các yếu tố thâm niên, bằng cấp...
- Xây dựng Quỹ lương theo hướng khóan doanh thu, lợi nhuận gắn với lương trả cho người lao động, thí điểm khoán quỹ lương cho Khối kinh doanh và các chi nhánh; xây dựng Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi thu hút nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Lương thưởng được công ty chi trả cho CBCNV đúng thời hạn, minh bạch về thông tin lương thưởng mỗi tháng. CBCNV được đánh giá công việc định kỳ và xét tăng lương nếu đạt được yêu cầu nâng cao của công việc.

Chính sách phúc lợi cho CBCNV

Với tư duy không ngừng đổi mới, TIE đã và đang thực hiện các chiến lược dài hạn nhằm hướng đến mục tiêu trở thành một trong những nhà phân phối và bán lẻ lớn nhất Việt Nam. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đặc biệt quan tâm chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động, ổn định về nhân sự và tạo sự yên tâm công tác cho người lao động.

+ Tất cả người lao động làm việc tại Công ty đều được ký hợp đồng lao động theo đúng qui định. Việc thực hiện chế độ BHXH: Công ty luôn thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ cho người lao động về BHXH, người lao động khi ký hợp đồng chính thức sẽ được tham gia BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp và được giải quyết các chế độ liên quan theo đúng quy định. Thực hiện mua bảo hiểm an toàn tai nạn cho toàn thể CB-CNV Công ty.

+ Về chăm lo các chế độ khác: Công ty thực hiện tốt việc chăm lo các chế độ khác cho người lao động theo nội dung thỏa ước lao động tập thể. Công ty đã thực hiện phương án điều chỉnh lương trong năm và đã chăm lo cải thiện bữa ăn trưa cho CB-CNV Công ty.

+ Công ty đã tổ chức tổng kết – thi đua khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm. Tất cả CB – CNV có thời gian công tác theo đúng quy định sẽ được nhận lương tháng 13 theo kết quả kinh doanh và chế độ chăm lo Tết Nguyên đán, khen thưởng thi đua theo thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và xử lý các trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ,…

+ Công tác thi đua khen thưởng luôn được Ban tổng giám đốc và lãnh đạo các phòng ban, chi nhánh quan tâm. Công ty thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nhắc nhở trong toàn thể Cán bộ - công nhân viên trong việc phấn đấu, thi đua hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở: Ký kết thỏa ước lao động tập thể hàng năm, 100% CBCNV làm việc trong đơn vị đều có Hợp đồng lao động; Chăm lo lợi ích cho người lao động; Tổ chức tốt chuyến tham quan nghỉ mát năm 2013 tại Thành phố Đà Nẵng, Huế, Hội An, chi phúc lợi đóng bảo hiểm tai nạn cá nhân cho 100% CBCNV, chăm lo đời sống các ngày lễ tết, tạo điều kiện cho anh chị em có môi trường làm việc hợp tác tốt , thân thiện và hiệu quả.

Xây dựng và lãnh đạo thực hiện Qui chế dân chủ ở cơ sở thông qua việc ký kết và thực hiện Thoả ước lao động tập thể hàng năm, quan tâm cải thiện đời sống tinh thần vật chất, chế độ tiền lương. Bảo đảm các chế độ BHXH, BHYT, đồng phục, khám sức khoẻ định kỳ cho 100% cán bộ công nhân viên, thực hiện chăm lo về an toàn vệ sinh lao động, công tác nữ công …

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Hoạt động của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Vũ Đức Dũng	Chủ tịch	15/15	100%	Không có
2	Ông Vũ Quốc Vinh	Thành viên	15/15	100%	Không có
3	Ông Đoàn Vinh Quang	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/04/2014)	5/5	100%	Không có
4	Bà Phạm Thúy Oanh	Thành viên	15/15	100%	Không có
5	Ông Hoàng Minh Trí	Thành viên	13/15	87%	Đi công tác

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

- Giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh
- Giám sát việc chấp hành các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ
- Giám sát, tư vấn, đưa ra các giải pháp, chiến lược để việc kinh doanh trong năm 2014 đạt hiệu quả.

Các Nghị quyết của HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2014/NQ-HĐQT	16/01/2014	Thanh toán cổ tức đợt 1 năm 2013 (10%/ cổ phiếu).
2	02/2014/NQ-HĐQT	16/01/2014	Phương án tổ chức ĐHĐCĐ 2014.
3	03/2014/NQ-HĐQT	14/02/2014	Tổ chức ĐHĐCĐ 2014. Bổ nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc Công ty đối với ông Trịnh Vũ từ 01/03/2014, thời hạn 05 năm.
4	04/2014/NQ-HĐQT	13/05/2014	Bổ sung ngành nghề sản xuất kinh doanh.
5	05/2014/NQ-HĐQT	20/05/2014	Chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2014.
6	06/2014/NQ-HĐQT	30/05/2014	Xin ý kiến cổ đông về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ công ty cổ phần TIE.
7	07/2014/NQ-HĐQT	25/06/2014	Hợp tác với Công ty cổ phần Vĩnh Tiến thành lập Công ty TNHH Vĩnh Tiến – TIE Bổ nhiệm ông Vũ Quốc Vinh – Tổng giám đốc Công ty cổ phần TIE làm người đại diện theo ủy quyền của thành viên góp vốn trong Công ty TNHH Vĩnh Tiến – TIE. Thành lập trung tâm Điều hành du lịch – Chi nhánh Công ty cổ phần TIE. Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Minh Tuyền làm người đứng đầu Trung tâm Điều hành du lịch – Chi nhánh Công ty cổ phần TIE. Bà Phạm Thúy Oanh tiếp tục làm Kế toán trưởng Công ty cổ phần TIE từ 01/07/2014, thời hạn 05 năm.
8	08/2014/NQ-HĐQT	26/08/2014	Khai thác khu đất 7.825,9m2 của Công ty tại Phú Quốc.
9	09/2014/NQ-HĐQT	20/10/2014	Thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2013 (5%/ cổ phiếu). Xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua Quy chế quản lý tài chính Công ty cổ phần TIE.
10	10/2014/NQ-HĐQT	12/11/2014	Bổ sung ngành nghề kinh doanh cho 02 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng.

Các Quyết định của HĐQT

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2014/QĐ-HD-QT	16/01/2014	Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ 2014.
2	02/2014/QĐ-HD-QT	14/02/2014	Bổ nhiệm chức vụ Phó TGĐ Công ty đối với ông Trịnh Vũ từ 01/03/2014, thời hạn 05 năm.
3	03/2014/QĐ-HD-QT	19/02/2014	Cử cán bộ (Ông Huỳnh Quốc Vinh – TGĐ) đi công tác nước ngoài (Indonesia).
4	04/2014/QĐ-HD-QT	07/03/2014	Cử cán bộ (Ông Vũ Quốc Vinh – TGĐ) đi công tác nước ngoài (Hong Kong).
5	05/2014/QĐ-HD-QT	28/04/2014	Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT nhiệm kì III và Phó TGĐ Công ty đối với ông Đoàn Vinh Quang từ ngày 30/04/2014.
6	06/2014/QĐ-HD-QT	20/05/2014	Bổ nhiệm chức vụ Phó TGĐ Công ty đối với ông Lê Ngọc Hưng từ 21/05/2014, thời hạn 05 năm.
7	07/2014/QĐ-HD-QT	25/06/2014	Bà Phạm Thúy Oanh tiếp tục làm Kế toán trưởng Công ty cổ phần TIE từ 01/07/2014, thời hạn 05 năm.
8	08/2014/QĐ-HD-QT	25/06/2014	Thành lập Trung tâm điều hành du lịch – Chi nhánh Công ty cổ phần TIE.
9	09/2014/QĐ-HD-QT	25/06/2014	Chấp nhận chủ trương hợp tác với Công ty cổ phần Vĩnh Tiến thành lập Công ty TNHH Vĩnh Tiến – TIE.
10	10/2014/QĐ-HD-QT	25/06/2014	Bổ nhiệm ông Vũ Quốc Vinh – TGĐ Công ty cổ phần TIE làm người đại diện theo ủy quyền của thành viên góp vốn trong Công ty TNHH Vĩnh Tiến – TIE.
11	11/2014/QĐ-HD-QT	03/07/2014	Cử cán bộ (Ông Vũ Quốc Vinh – TGĐ) đi công tác nước ngoài (Hàn Quốc).

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Với quy mô hiện tại, Công ty không thành lập các tiểu ban trong HĐQT.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

- Cùng tham gia vào các cuộc họp với các TV.HDQT khác
- Cùng tham gia triển khai các kế hoạch, chỉ đạo thực hiện nhóm công việc mà được phân công chuyên trách.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có

Hoạt động Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình được quy định tại điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, TT 121/2012/TT-BTC,.... và các văn bản pháp luật có liên quan.

Trong năm qua, Ban kiểm soát đã họp định kỳ hàng quý và bất thường, với các nội dung chủ yếu về Báo cáo tài chính hàng quý, tình hình hoạt động và tính tuân thủ quy định pháp luật của Công ty, hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, tham gia các buổi họp cùng HĐQT, Ban Tổng giám đốc và đưa ra ý kiến, nhận định của mình theo đúng trình tự, thủ tục của buổi họp,... Qua Công tác kiểm tra, giám sát, BKS đã tổng kết về hoạt động năm qua của công ty và có các kiến nghị như sau:

- Về công tác quản trị: Tái cấu trúc bộ máy quản trị công ty nhằm phát huy khả năng cũng như năng lực vốn có của mỗi CBNV TIE.
- Về hoạt động kinh doanh: Đa dạng hóa ngành kinh doanh phân phối: các sản phẩm trong lĩnh vực CNTT, điện - điện tử, sản phẩm an toàn, an ninh, sản phẩm giấy – bao bì – tập, các linh kiện – phụ kiện cho điện thoại di động…
- Về hoạt động dịch vụ: Phát triển hệ thống bảo hành tại các chi nhánh: Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ và Phú Quốc; Phát triển dịch vụ du lịch lữ hành trong và ngoài nước với thương hiệu TIE Travel.
- Về đầu tư: khởi công xây dựng cùng Công ty Cổ phần Eximland nỗ lực đưa dự án 376 Điện Biên Phủ hoàn thành đúng tiến độ; Tìm kiếm đối tác xây dựng khu du lịch và nghỉ dưỡng nhằm khai thác hiệu quả khu đất 7.800 m2 tại Phú Quốc.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức Vụ	Thù lao	Lương	Thưởng	Tổng cộng
Hội đồng quản trị					**360.000.000**
Vũ Đức Dũng	Chủ tịch	120.000.000	-	-	120.000.000
Hoàng Minh Trí	Thành viên	60.000.000	-	-	60.000.000
Vũ Quốc Vinh	Thành viên	60.000.000	-	-	60.000.000
Đoàn Vinh Quang	Thành viên (Miễn nhiệm từ 30/4/2014)	60.000.000	-	-	60.000.000
Phạm Thúy Oanh	Thành viên	60.000.000	-	-	60.000.000
Ban kiểm soát			**-**	**-**	**72.000.000**
Đặng Thị Hoàng Anh	Trưởng ban	36.000.000	-	-	36.000.000
Đặng Chu Dũng	Thành viên	18.000.000	-	-	18.000.000
Nguyễn Ngọc Anh Thư	Thành viên	18.000.000	-	-	18.000.000
Ban Tổng giám đốc					**2.308.087.295**
Vũ Quốc Vinh	Tổng giám đốc	-	481.440.000	297.385.000	778.825.000
Đoàn Vinh Quang	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ 30/4/2014)	-	118.554.545	111.606.000	230.160.545
Trịnh Vũ	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ 01/3/2014)	-	451.200.000	3.500.000	454.700.000
Lê Ngọc Hưng	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ 21/5/2014)	-	315.500.000	122.808.750	438.308.750
Phạm Thúy Oanh	Kế toán trưởng	-	251.040.000	155.053.000	406.093.000
Tổng cộng		**432.000.000**	**250.464.545**	**567.544.000**	**2.740.087.295**

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Vũ Quốc Vinh	TV HĐQT, TGĐ, Người đại diện CBTT	0	0	1.100	0,011%	Mua

Ông Vũ Đức Dũng – Chủ tịch HĐQT công bố đăng ký mua 10.000 CP theo Thông báo giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ ngày 17/12/2013. Thời gian thực hiện giao dịch từ 20/12/2013 đến 18/01/2014. Giao dịch không thành công do chưa đạt giá kỳ vọng.

Ông Vũ Quốc Vinh – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc công ty đăng ký mua 10.000 CP theo Thông báo giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ ngày 16/12/2013. Thời gian thực hiện giao dịch từ 20/12/2013 đến 18/01/2014. Chỉ mua được 1.100 CP.

Bà Phạm Thúy Oanh – Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng công ty đăng ký mua 10.000 CP theo Thông báo giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ ngày 17/12/2013. Thời hạn thực hiện giao dịch từ 20/12/2013 đến 18/01/2014. Giao dịch không thành công do chưa đạt giá kỳ vọng.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không phát sinh

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Các quy định về quản trị công ty được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định về công bố thông tin theo Thông tư 52/2012/TT-BTC, quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng theo Thông tư 121/2012/TT-BTC, Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh Báo cáo tài chính

BCTN 2014

BAKER TILLY
A&C
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0446/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần TIE bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần TIE (Công ty mẹ) và Công ty con là Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn (gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2015, từ trang 10 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TIE chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A & C

Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc	**Hoàng Thanh Hải - Kiểm toán viên**
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1	*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0198-2013-008-1*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**260.416.340.495**	**304.483.968.154**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**V.1**	**96.414.163.868**	**96.932.405.743**
1.	Tiền	111		12.414.163.868	16.766.294.632
2.	Các khoản tương đương tiền	112		84.000.000.000	80.166.111.111
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**440.550.000**	**422.306.000**
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.423.652.470	1.423.652.470
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(983.102.470)	(1.001.346.470)
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**82.280.431.786**	**98.042.740.747**
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	77.389.209.804	97.288.755.290
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	5.517.083.102	1.636.474.793
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	6.346.696.939	9.352.450.374
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(6.972.558.059)	(10.234.939.710)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**71.234.724.512**	**94.170.858.072**
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	76.709.130.679	99.846.506.923
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(5.474.406.167)	(5.675.648.851)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**10.046.470.329**	**14.915.657.592**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	235.597.915	790.193.903
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.365.353.699	7.470.530.107
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	3.814.749.531	6.138.739.582
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	630.769.184	516.194.000

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**114.963.268.047**	**86.100.260.647**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**40.215.290.837**	**25.843.540.940**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	18.567.079.890	16.925.546.551
Nguyên giá	*222*		*30.016.978.951*	*26.894.686.659*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(11.449.899.061)*	*(9.969.140.108)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	*225*		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	4.737.491.966	4.823.341.250
Nguyên giá	*228*		*5.380.992.840*	*5.380.992.840*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(643.500.874)*	*(557.651.590)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	16.910.718.981	4.094.653.139
III. Bất động sản đầu tư	**240**	**V.16**	**25.044.277.077**	**25.620.730.257**
Nguyên giá	241		28.610.873.830	28.610.873.830
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(3.566.596.753)	(2.990.143.573)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**47.692.088.770**	**34.177.980.920**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	25.080.000.000	10.440.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	28.062.922.348	28.285.558.448
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(5.450.833.578)	(4.547.577.528)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.011.611.363**	**458.008.530**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	1.701.611.363	148.008.530
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		310.000.000	310.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**375.379.608.542**	**390.584.228.801**

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**111.955.441.559**	**116.378.810.353**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**109.955.441.559**	**114.378.810.353**
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	76.212.534.363	65.032.633.809
2.	Phải trả người bán	312	V.23	22.495.092.032	34.229.678.103
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.24	311.800.247	176.931.054
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		191.319.319	404.000.407
5.	Phải trả người lao động	315		529.898.833	879.425.000
6.	Chi phí phải trả	316	V.25	2.944.577.805	3.246.213.661
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	4.107.510.121	2.125.624.365
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	3.162.708.839	8.284.303.954
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**2.000.000.000**	**2.000.000.000**
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		2.000.000.000	2.000.000.000
B -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**263.424.166.983**	**274.205.418.448**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**263.424.166.983**	**274.205.418.448**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	95.699.000.000	95.699.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.28	142.068.984.401	138.838.371.124
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.28	5.145.125.364	11.025.017.419
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	20.511.057.218	28.643.029.905
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C -	**LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**	**439**	V.29	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**375.379.608.542**	**390.584.228.801**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		10.437.932.965	41.488.280.050
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		7.197.629.710	1.317.737.655
5.	Ngoại tệ các loại:			
	Dollar Mỹ (USD)		4.219,09	6.981,98
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Huỳnh Bảo Khánh	Phạm Thúy Oanh	Vũ Quốc Vinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	339.218.138.752	294.525.333.925
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	5.812.159.429	3.118.285.854
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	333.405.979.323	291.407.048.071
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	319.184.610.853	283.934.928.040
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.221.368.470	7.472.120.031
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	42.235.852.657	85.649.071.431
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	8.120.699.559	5.634.833.183
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.944.542.518	2.245.948.442
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	28.500.845.800	20.559.488.299
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	17.579.591.940	18.052.974.867
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.256.083.828	48.873.895.113
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	13.363.263.211	8.244.197.088
12.	Chi phí khác	32	VI.8	599.000.665	1.342.790.607
13.	Lợi nhuận khác	40		12.764.262.546	6.901.406.481
	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
14.	*Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*	50		15.020.346.374	55.775.301.594
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.336.242.507	299.350.667
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	*Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*	60		12.684.103.867	55.475.950.927
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	VI.29	-	-
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		*12.684.103.867*	*55.475.950.927*
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.325	5.797

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Huỳnh Bảo Khánh	Phạm Thúy Oanh	Vũ Quốc Vinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***15.020.346.374***	***55.775.301.594***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.13,14,16	2.218.488.530	1.906.037.673
- Các khoản dự phòng	03	V.3,7,9,19	(2.578.612.285)	5.720.350.529
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.716.200)	(2.359.445)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(41.999.694.253)	(83.506.110.005)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6.944.542.518	2.245.948.442
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***(20.396.645.316)***	***(17.860.831.212)***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		19.164.062.679	(58.243.094.609)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		23.137.376.244	(52.662.994.568)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(17.606.422.879)	22.113.190.767
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(999.006.845)	369.300.853
- Tiền lãi vay đã trả	13		(7.036.342.819)	(2.154.148.141)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(5.748.059.478)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	(255.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7.964.534.799)	(7.239.919.005)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(11.701.513.735)***	***(121.681.555.393)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(16.048.349.934)	(9.819.055.040)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	742.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(609.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.17	(14.640.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		90.888.000	95.124.351.919
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	42.166.007.040	93.334.075.911
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***10.959.545.106***	***179.381.645.517***

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.22	239.439.960.945	148.478.010.732
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.22	(228.260.060.391)	(112.583.511.811)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.957.890.000)	(14.306.762.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***222.010.554***	***21.587.736.921***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(519.958.075)**	**79.287.827.045**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**96.932.405.743**	**17.640.183.689**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.716.200	4.395.009
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**96.414.163.868**	**96.932.405.743**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Huỳnh Bảo Khánh	Phạm Thúy Oanh	Vũ Quốc Vinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần TIE cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần TIE (Công ty mẹ) và Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - thương mại – Dịch vụ.

3. **Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Đại lý ký gửi hàng hóa; Tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.

4. **Tổng số các công ty con** : 01
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01

5. **Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

Tên công ty	*Địa chỉ*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Quyền biểu quyết*
Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn	Số 760, đường Điện Biên Phủ, phường 10, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	51%	51%

6. **Danh sách các công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Tên công ty	*Địa chỉ*	*Lý do*
Công ty TNHH Vĩnh Tiến – Tie	Khu 4, phường Cẩm Thượng, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Mới thành lập ngày 18 tháng 7 năm 2014
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM	Số 179EF Cách Mạng Tháng 8, phường 5, quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công ty đang trong quá trình xin điều chỉnh và cấp phép xây dựng dự án, chưa đi vào hoạt động chính thức

7. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tập đoàn có 174 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 170 nhân viên).

8. **Những ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động của Tập đoàn trong năm**
Công ty mẹ đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp trong Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina cho Công ty Samsung Electronics Co., Ltd. trong năm 2013 và đang thực hiện đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm đầu tiên Tập đoàn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty mẹ hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư là các quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 50 năm.

8. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

Bản quyền phần mềm máy tính

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra để mua bản quyền sử dụng phần mềm Microsoft. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không tính khấu hao đối với diện tích 173,3 m^2 đất tại 249 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty mẹ đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty mẹ từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $^1/_2$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty mẹ bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty mẹ như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,...	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.036 VND/USD
31/12/2014 : 21.246 VND/USD

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản cho vay và khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	524.746.003	667.891.953
Tiền gửi ngân hàng	11.889.417.865	16.098.402.679
Các khoản tương đương tiền (i)	84.000.000.000	80.166.111.111
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống		
Cộng	**96.414.163.868**	**96.932.405.743**

(i) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tương đương 50.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Phương Đông và 34.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công thương được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng này (xem Thuyết minh V.22).

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	*20.000*	*980.000.000*	*20.000*	*980.000.000*
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình	*16*	*60.000*	*15*	*60.000*
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	*22.805*	*443.592.470*	*22.805*	*443.592.470*
Cộng		**1.423.652.470**		**1.423.652.470**

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.001.346.470)	(2.664.492.970)
Hoàn nhập dự phòng	18.244.000	1.663.146.500
Số cuối năm	**(983.102.470)**	**(1.001.346.470)**

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty Cổ phần TIE	74.274.994.033	96.448.442.443
Trong đó		
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina	*673.901.872*	*728.500.715*
Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến	-	*12.708.552.005*
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến	*10.176.492.519*	-
Tại Chi nhánh Cần Thơ	23.078.830	130.587.486
Tại Chi nhánh Hà Nội	288.930.556	681.772.361
Tại Chi nhánh Phú Quốc	295.889.780	15.143.000
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	72.688.105	12.810.000
Tại Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn	2.433.628.500	-
Cộng	**77.389.209.804**	**97.288.755.290**

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty Cổ phần TIE	2.496.994.913	1.636.474.793
Tại Chi nhánh Phú Quốc	66.629.109	-
Tại Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn	2.953.459.080	-
Cộng	**5.517.083.102**	**1.636.474.793**

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	26.615.590	16.324.651
Công ty Chứng khoán Đông Á	80.052.361	1.032.391
Công ty Cổ phần thế hệ mới NGT [6]	3.210.000.000	3.210.000.000
Phải thu ông Phạm Văn Hoàng [6]	-	5.879.892.055
Công ty Cổ phần Đầu tư Tie - Exim - Tiền cho vay	609.000.000	-
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến - Chiết khấu phải thu	1.317.201.398	-
Công ty TNHH MTV Du lịch Liên Lục Địa	719.882.831	25.934.380
Các khoản phải thu khác	383.944.769	219.266.897
Cộng	**6.346.696.939**	**9.352.450.374**

(i) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Viễn thông thế hệ mới NGT đã được lập dự phòng từ năm 2008 do khó có khả năng thu hồi.

(ii) Giá trị hàng tồn kho bị mất tại Chi nhánh Hà Nội, theo bản án số 03/2013/HSPT ngày 08 tháng 01 năm 2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại TP. Hà Nội thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty mẹ thuộc về ông Phạm Văn Hoàng, Công ty mẹ đã gởi Công văn đề nghị giám đốc thẩm lại vụ án. Khoản này đã được lập dự phòng toàn bộ vào cuối năm 2010. Năm 2014, Công ty mẹ đã dùng nguồn quỹ dự phòng tài chính để bù đắp khoản tổn thất này theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 14/2014/BB-HĐQT ngày 20 tháng 10 năm 2014.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(1.356.373.213)	(734.389.654)
- *Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm*	*(3.621.527)*	*(692.071.099)*
- *Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm*	*(1.352.751.686)*	*(40.437.395)*
- *Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên*	-	*(1.881.160)*
Dự phòng nợ phải thu khó có khả năng thu hồi	(5.616.184.846)	(9.500.550.056)
- *Ông Lê Nguyên Vũ*	-	*(35.000.000)*
- *Công ty Cổ phần Điện máy Viễn Thông Hợp Nhất*	*(139.430.001)*	*(139.430.001)*
- *Công ty Cổ phần thế hệ mới NGT*	*(3.210.000.000)*	*(3.210.000.000)*
- *Phải thu Ông Phạm Văn Hoàng*	-	*(5.879.892.055)*
- *Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Nguyên Bảo*	*(1.323.229.645)*	-
- *Công Ty Cổ Phần Tiếp Điểm Vàng*	*(707.297.200)*	-
- *Công ty Cổ phần Đăng Khoa*	*(236.228.000)*	*(236.228.000)*
Cộng	**(6.972.558.059)**	**(10.234.939.710)**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(10.234.939.710)	(5.805.999.621)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(970.617.654)
Hoàn nhập dự phòng	3.262.381.651	-
Phân loại lại từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(3.458.322.435)
Số cuối năm	**(6.972.558.059)**	**(10.234.939.710)**

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	130.830.000	150.562.232
Nguyên liệu, vật liệu	553.300.247	1.389.249.651
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	94.947.050	129.008.176
Thành phẩm	1.215.404.043	971.184.846
Hàng hóa	74.714.649.339	97.206.502.018
Cộng	**76.709.130.679**	**99.846.506.923**

Giá trị hàng tồn kho tương đương 70.000.000.000 VND được bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem Thuyết minh V.22).

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Khoản dự phòng giảm giá cho hàng hóa.

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(5.675.648.851)	(7.324.250.011)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(1.809.721.275)
Hoàn nhập dự phòng	201.242.684	-
Phân loại lại sang dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	3.458.322.435
Số cuối năm	**(5.474.406.167)**	**(5.675.648.851)**

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty Cổ phần TIE	195.455.030	746.362.956
Tại Chi nhánh Phú Quốc	38.949.549	43.830.947
Tại Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn	1.193.336	-
Cộng	**235.597.915**	**790.193.903**

11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa của Công ty mẹ.

12. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	115.861.042	-
Tạm ứng	514.908.142	516.194.000
Cộng	**630.769.184**	**516.194.000**

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	20.018.470.793	1.168.895.257	4.572.305.496	1.135.015.113	26.894.686.659
Mua sắm mới	-	924.839.401	2.259.009.091	48.435.600	3.232.284.092
Giảm do thanh lý	-	-	-	(109.991.800)	(109.991.800)
Số cuối năm	**20.018.470.793**	**2.093.734.658**	**6.831.314.587**	**1.073.458.913**	**30.016.978.951**
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.455.527.339	548.147.166	511.186.807	692.420.929	3.207.282.241
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.388.377.458	582.112.148	2.197.542.222	801.108.280	9.969.140.108
Khấu hao trong năm	714.807.325	160.688.366	604.886.414	75.803.961	1.556.186.066
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(75.427.113)	(75.427.113)
Số cuối năm	**7.103.184.783**	**742.800.514**	**2.802.428.636**	**801.485.128**	**11.449.899.061**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	13.630.093.335	586.783.109	2.374.763.274	333.906.833	16.925.546.551
Số cuối năm	**12.915.286.010**	**1.350.934.144**	**4.028.885.951**	**271.973.785**	**18.567.079.890**
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý và bản quyền phần mềm	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Số cuối năm	**858.492.840**	**4.522.500.000**	**5.380.992.840**
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	557.651.590	-	557.651.590
Khấu hao trong năm	85.849.284	-	85.849.284
Số cuối năm	**643.500.874**	**-**	**643.500.874**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	300.841.250	4.522.500.000	4.823.341.250
Số cuối năm	**214.991.966**	**4.522.500.000**	**4.737.491.966**

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số cuối năm
XDCB dở dang:			
Chi phí xây dựng khu bán hàng lưu niệm và giải trí Chi nhánh Phú Quốc	4.004.630.545	7.375.595.296	11.380.225.841
Trung tâm điều hành du lịch và kinh doanh hệ thống định vị toàn cầu	-	5.343.454.546	5.343.454.546
Chi phí Showroom Vĩnh Tiến tại Hà Nội	-	97.016.000	97.016.000
Chi phí định giá đất Bình Chuẩn	90.022.594	-	90.022.594
Cộng	**4.094.653.139**	**12.816.065.842**	**16.910.718.981**

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	28.610.873.830
Số cuối năm	**28.610.873.830**
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	2.990.143.573
Khấu hao trong năm	576.453.180
Số cuối năm	**3.566.596.753**
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	25.620.730.257
Số cuối năm	**25.044.277.077**

Bất động sản đầu tư gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất tại đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m^2. Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.
- Quyền sử dụng đất đối với 38.887,9 m^2 đất tại phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời gian sử dụng đất là 50 năm.

Tại thời điểm cuối năm tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE - EXIM (i)	-	10.440.000.000	-	10.440.000.000
Công ty TNHH Vĩnh Tiến – Tie (ii)	-	14.640.000.000	-	-
Cộng		**25.080.000.000**		**10.440.000.000**

(i) Theo Giấy chứng nhận số 0311278495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty mẹ đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM 10.440.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Công ty mẹ đã đầu tư bằng các khoản chi hộ, tiền mặt và giá trị chi phí đền bù giải phóng mặt bằng.

(ii) Theo Giấy chứng nhận số 0801093503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, Công ty mẹ đầu tư vào Công ty TNHH Vĩnh Tiến – Tie 14.700.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Đến thời điểm cuối năm 2014, Công ty mẹ đã góp 14.640.000.000 VND, còn phải góp 60.000.000 VND.

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu các đơn vị sau:				
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	730.078	8.182.728.448	730.078	8.182.728.448
Công ty Cổ phần vận chuyển Saigon Tourist	43.312	448.741.100	58.212	603.120.000
Công ty Cổ phần dịch vụ bưu chính viễn thông Sài Gòn	1.431.327	8.674.710.000	1.431.327	8.674.710.000
Công ty Cổ phần bất động sản Sài gòn Đông Dương	850.000	8.500.000.000	850.000	8.500.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình	39.675	2.256.742.800	40.875	2.325.000.000
Cộng		**28.062.922.348**		**28.285.558.448**

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn là do Công ty mẹ bán 14.900 cổ phiếu của Công ty Cổ phần vận chuyển Saigon Tourist và bán 1.200 cổ phiếu của Công ty Cổ phần văn hóa Tân Bình.

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Khoản dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn. Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(4.547.577.528)	(1.956.619.428)
Trích lập dự phòng bổ sung	(903.256.050)	(2.590.958.100)
Số cuối năm	**(5.450.833.578)**	**(4.547.577.528)**

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Tại Văn phòng Công ty Cổ phần TIE	120.150.542	1.286.423.778	(482.235.760)	924.338.560
- Chi phí thuê nhà chi nhánh Hà Nội	*-*	*554.198.400*	*(184.732.800)*	*369.465.600*
- Chi phí công cụ dụng cụ	*120.150.542*	*253.976.652*	*(155.953.939)*	*218.173.255*
- Chi phí khác	*-*	*478.248.726*	*(141.549.021)*	*336.699.705*
Tại Chi nhánh Hà Nội	22.235.021	4.800.000	(21.441.748)	5.593.273
Tại Chi nhánh Cần Thơ	5.622.967	57.331.818	(25.248.078)	37.706.707
Tại Chi nhánh Phú Quốc	-	1.110.256.047	(378.189.892)	732.066.155
Tại Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn	-	2.145.000	(238.332)	1.906.668
Cộng	**148.008.530**	**2.460.956.643**	**(907.353.810)**	**1.701.611.363**

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty mẹ có khoản lỗ tính thuế 16.642.527.285 VND chưa sử dụng (số năm trước là 0 VND).

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho khoản lỗ này vì khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai là không chắc chắn.

22. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	76.212.534.363	65.032.633.809
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (i)	*42.727.685.454*	*65.032.633.809*
- Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Phú Nhuận (ii)	*33.484.848.909*	*-*
Cộng	**76.212.534.363**	**65.032.633.809**

(i) Khoản vay ngắn hạn của Công ty mẹ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 14.1950011/HĐTDHM-TIE ngày 19 tháng 6 năm 2014 với lãi suất là lãi suất công bố tại thời điểm nhận nợ, khoản vay được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 14.1950011/HĐTCHH-TIE và các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng này (xem Thuyết minh V.8).

(ii) Khoản vay ngắn hạn của Công ty mẹ tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Phú Nhuận để phục vụ kế hoạch kinh doanh thông qua Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng bảo đảm tiền vay số 003/03c/TG-KHDN/2013 ngày 25 tháng 3 năm 2014 với lãi suất là lãi suất công bố tại thời điểm nhận nợ, khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (xem Thuyết minh V.1).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	65.032.633.809	239.439.960.945	(228.260.060.391)	76.212.534.363
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	*65.032.633.809*	*101.341.033.480*	*(123.645.981.835)*	*42.727.685.454*
- Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Phú Nhuận	*-*	*138.098.927.465*	*(104.614.078.556)*	*33.484.848.909*
Cộng	**65.032.633.809**	**239.439.960.945**	**(228.260.060.391)**	**76.212.534.363**

23. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty Cổ phần TIE	20.813.966.032	34.219.328.103
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina	*13.425.580.675*	*19.506.629.051*
Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến	*5.665.748*	*-*
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến	*212.656.739*	*89.592.796*
Phải trả các nhà cung cấp khác	*7.170.062.870*	*14.622.806.256*
Tại Chi nhánh Phú Quốc	1.458.110.000	10.350.000
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	3.020.000	-
Tại Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn	219.996.000	
Cộng	**22.495.092.032**	**34.229.678.103**

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	360.765.476	(345.832.940)	14.932.536
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.093.927.255	(5.089.997.881)	3.929.374
Thuế xuất, nhập khẩu	-	164.253.746	(163.626.870)	626.876
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.138.739.582)	2.336.242.507	(12.252.456)	(3.814.749.531)
Thuế thu nhập cá nhân	404.000.407	544.846.521	(777.016.395)	171.830.533
Tiền thuê đất	-	5.550.921.969	(5.550.921.969)	-
Các loại thuế khác	-	12.000.000	(12.000.000)	-
Cộng	**(5.734.739.175)**	**14.062.957.474**	**(11.951.648.511)**	**(3.623.430.212)**

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.11).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty Cổ phần TIE nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ bảo hành, màn hình vi tính , máy tính tiền, máy chiếu…	10%
Hàng hóa xuất khẩu	0%

Thuế xuất, nhập khẩu
Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp
Công ty mẹ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước thuế suất là 25%).

Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% do có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ VND theo hướng dẫn tại Thông tư 141/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được liên quan đến khoản điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm trước của Công ty Cổ phần TIE là 2.336.242.507 VND.

Tiền thuê đất
Công ty mẹ phải nộp tiền thuê đất đối với các diện tích đất đang sử dụng tại số 376, đường Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP. Hồ Chí Minh; số 912, đường Điện Biên Phủ, quận 10, TP. Hồ Chí Minh và số 52, đường Thành Thái, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Các loại thuế khác
Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

25. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hỗ trợ cho đại lý bán hàng	2.604.150.510	3.078.326.239
Chi phí lãi vay	-	91.800.301
Chi phí khác	340.427.295	76.087.121
Cộng	**2.944.577.805**	**3.246.213.661**

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	28.666.436	163.952.106
Thù lao HĐQT	52.142.892	1.350.469.299
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.900.511.857	503.551.857
Các khoản phải trả khác	126.188.936	107.651.103
Cộng	**4.107.510.121**	**2.125.624.365**

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.284.303.954	3.319.513.755
Trích lập trong năm	2.842.939.684	12.204.709.204
Chi quỹ trong năm	(7.964.534.799)	(7.239.919.005)
Số cuối năm	**3.162.708.839**	**8.284.303.954**

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.990.000.000	66.990.000.000
Vốn góp của các cổ đông	28.709.000.000	28.709.000.000
Cộng	**95.699.000.000**	**95.699.000.000**

Cổ tức

Công ty mẹ chi trả tạm ứng cổ tức năm 2013 với tỷ lệ là 15% trên vốn điều lệ. Trong năm Công ty mẹ đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt là 10.957.890.000 VND (năm trước là 14.306.762.000 VND).

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.569.900	9.569.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.569.900	9.569.900
- *Cổ phiếu phổ thông*	*9.569.900*	*9.569.900*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.569.900	9.569.900
- *Cổ phiếu phổ thông*	*9.569.900*	*9.569.900*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

29. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Tới thời điểm cuối năm 2014, các cổ đông thiểu số của Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn chưa góp vốn và các bên có thỏa thuận Công ty Cổ phần TIE sẽ được hưởng toàn bộ lợi nhuận cũng như chịu toàn bộ khoản lỗ phát sinh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	339.218.138.752	294.525.333.925
Doanh thu Văn phòng Công ty Cổ phần TIE	318.644.247.899	274.628.635.320
Trong đó:		
- *Doanh thu bán hàng hóa*	*308.602.743.808*	*259.567.022.031*
- *Doanh thu bán thành phẩm*	*938.270.871*	*3.477.773.143*
- *Doanh thu cung cấp dịch vụ*	*9.086.189.585*	*11.573.202.873*
- *Doanh thu khác*	*17.043.635*	*10.637.273*
Doanh thu của Chi nhánh Phú Quốc	13.501.570.070	10.364.272.622
Doanh thu của Chi nhánh Hà Nội	4.020.915.931	7.158.031.678
Doanh thu của Chi nhánh Cần Thơ	445.494.181	1.938.904.349
Doanh thu của Chi nhánh Đà Nẵng	1.554.000.171	435.489.956
Doanh thu của Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn	1.051.910.500	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(5.812.158.733)	(3.118.285.854)
Hàng bán bị trả lại	*(5.667.821.715)*	*(3.018.705.427)*
Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp	*(696)*	-
Chiết khấu thương mại	*(144.337.018)*	*(99.580.427)*
Doanh thu thuần	**333.405.979.323**	**291.407.048.071**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của Văn phòng Công ty Cổ phần TIE	300.505.791.473	265.351.979.776
Trong đó:		
- *Giá vốn bán thành phẩm*	*1.197.375.262*	*3.891.421.113*
- *Giá vốn bán hàng hóa*	*292.446.991.822*	*251.496.071.765*
- *Giá vốn cung cấp dịch vụ*	*6.861.424.389*	*9.964.486.898*
Giá vốn Chi nhánh Phú Quốc	12.413.626.810	9.749.492.097
Giá vốn Chi nhánh Hà Nội	3.519.471.114	6.663.091.206
Giá vốn Chi nhánh Cần Thơ	411.526.828	1.761.629.212
Giá vốn Chi nhánh Đà Nẵng	1.414.198.628	408.735.749
Giá vốn của Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn	919.996.000	-
Cộng	**319.184.610.853**	**283.934.928.040**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.782.925.011	2.967.246.259
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	50.586.311	183.962.230
Lãi/cổ tức các khoản đầu tư	36.383.082.029	39.966.829.652
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.543.106	849.646
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.716.200	6.374.725
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	-	42.523.808.919
Cộng	**42.235.852.657**	**85.649.071.431**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.944.542.518	2.245.948.442
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	131.748.100	1.952.513.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	154.935.072	185.583.182
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.015.280
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn và dài hạn	885.012.050	927.811.600
Chiết khấu thanh toán	-	296.361.000
Chi phí tài chính khác	4.461.819	22.600.679
Cộng	**8.120.699.559**	**5.634.833.183**

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.696.574.147	7.728.997.019
Chi phí vật liệu, bao bì	71.120.916	59.247.071
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	830.901.653	259.599.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.026.575.379	879.426.275
Chi phí bảo hành	356.722.928	249.116.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.028.159.638	3.375.221.408
Chi phí bằng tiền khác	13.490.791.139	8.007.879.603
Cộng	**28.500.845.800**	**20.559.488.299**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.683.187.619	5.922.977.247
Chi phí vật liệu quản lý	181.749.768	170.187.540
Chi phí đồ dùng văn phòng	234.452.854	173.896.794
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.191.913.151	1.023.081.098
Thuế, phí và lệ phí	801.688.747	557.109.273
Chi phí dự phòng	(3.262.381.651)	970.617.654
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.396.602.079	2.159.344.148
Chi phí bằng tiền khác	5.352.379.373	7.075.761.113
Cộng	**17.579.591.940**	**18.052.974.867**

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Khoản thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà cung cấp	12.798.304.703	7.009.204.505
Thu thanh lý tài sản cố định	-	742.272.727
Thu tiền thuê đất tại số 376, đường Điện Biên Phủ, quận 10, TP. Hồ Chí Minh do chưa chuyển giao	449.790.080	320.546.000
Thu khác	115.168.428	172.173.856
Cộng	**13.363.263.211**	**8.244.197.088**

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	34.564.687	741.534.552
Chi phí dự án không khả thi	-	81.818.182
Tiền thuê đất số 376, đường Điện Biên Phủ, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	449.790.000	320.546.000
Chi phí khác	114.645.978	198.891.873
Cộng	**599.000.665**	**1.342.790.607**

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.684.103.867	55.475.950.927
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.684.103.867	55.475.950.927
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.569.900	9.569.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.325**	**5.797**

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.267.754.451	3.985.881.203
Chi phí nhân công	15.753.469.561	14.685.835.710
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.218.488.530	1.906.037.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.427.161.717	5.588.975.259
Chi phí khác	16.770.669.218	16.984.120.169
Cộng	**47.437.543.477**	**43.150.850.014**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết góp vốn và mua cổ phần

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến - Tie, Công ty mẹ còn phải góp vốn điều lệ vào Công ty này với số tiền là 60.000.000 VND tương đương 0,20% vốn điều lệ.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.239.079.090	1.196.036.428
Tiền thưởng	679.100.000	498.410.000
Thù lao	725.000.000	584.900.000
Cộng	**2.643.179.090**	**2.279.346.428**

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty mẹ gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM	Công ty liên kết
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty TNHH Vĩnh Tiến – Tie	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến	Công ty mẹ của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến	Công ty có liên quan với Công ty mẹ của Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty mẹ với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM		
Thu lại tiền thuê đất số 376, đường Điện Biên Phủ, quận 10	449.790.080	320.546.000
Bán hàng hóa	3.636.364	-
Cho vay tiền	609.000.000	-
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV		
Lãi vay	-	180.555.556
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến		
Chiết khấu	1.317.201.398	-
Bán hàng hóa	26.412.230.364	13.319.393.317
Mua hàng	18.266.257.525	1.589.892.796
Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến		
Mua hàng hóa	21.520.564.847	3.147.417.228
Bán hàng	10.918.905.786	14.514.097.911
Công ty TNHH Vĩnh Tiến – Tie		
Góp vốn	14.640.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến		
Tiền bán hàng	-	12.708.552.005
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến		
Tiền bán hàng	10.176.492.519	-
Tiền chiết khấu	1.317.201.398	-
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM		
Tiền cho vay	609.000.000	-
Cộng nợ phải thu	**12.102.693.917**	**12.708.552.005**
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến		
Mua hàng	212.656.739	89.892.796
Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến		
Mua hàng	5.665.748	-
Cộng nợ phải trả	**218.322.487**	**89.892.796**

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu là kinh doanh màn hình vi tính Samsung và văn phòng phẩm tại thị trường Việt Nam.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác

Khoản phải thu khác của Tập đoàn không đáng kể do đã được lập dự phòng gần hết. Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TIE đánh giá rủi ro đối với khoản phải thu này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.414.163.868			96.414.163.868
Phải thu khách hàng	43.029.794.922	29.235.654.906	5.123.759.976	77.389.209.804
Các khoản phải thu khác	3.292.505.349	-	3.210.000.000	6.502.505.349
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	23.052.638.770		6.433.936.048	29.486.574.818
Cộng	**165.789.102.909**	**29.235.654.906**	**14.767.696.024**	**209.792.453.839**

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.932.405.743	-	-	96.932.405.743
Phải thu khách hàng	67.039.257.828	27.570.207.752	2.679.289.710	97.288.755.290
Các khoản phải thu khác	556.233.668	-	9.089.892.055	9.646.125.723
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.160.286.920	-	5.548.923.998	29.709.210.918
Cộng	**188.688.184.159**	**27.570.207.752**	**17.318.105.763**	**233.576.497.674**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TIE cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) trong vòng một năm.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TIE cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm rủi ro về giá chứng khoán, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ
Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc USD của Công ty mẹ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.219,09	6.981,98
Phải trả người bán	(239.480,00)	(164.438,00)
(Nợ phải trả) thuần có gốc USD	**(235.260,91)**	**(157.456,02)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TIE đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất
Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có các khoản vay với lãi suất thả nổi là 76.212.534.363 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 65.032.633.809 VND).

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TIE đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán
Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TIE đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa
Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá hàng hóa.

Tài sản đảm bảo
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tập đoàn có tài sản tài chính đảm bảo là các hợp đồng tiền gởi có kỳ hạn tương đương 50.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Phương Đông và 34.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng này (xem Thuyết minh V.1), Tập đoàn không nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.414.163.868		96.932.405.743	-	96.414.163.868	96.932.405.743
Phải thu khách hàng	77.389.209.804	(3.762.558.059)	97.288.755.290	(1.145.047.655)	73.626.651.745	96.143.707.635
Các khoản phải thu khác	6.502.505.349	(3.210.000.000)	9.646.125.723	(9.089.892.055)	4.292.505.349	556.233.668
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	29.486.574.818	(6.433.936.048)	29.709.210.918	(5.548.923.998)	23.052.638.770	24.160.286.920
Cộng	**209.792.453.839**	**(13.406.494.107)**	**233.576.497.674**	**(15.783.863.708)**	**197.385.959.732**	**217.792.633.966**

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	76.212.534.363	65.032.633.809	76.212.534.363	65.032.633.809
Phải trả người bán	22.495.092.032	34.229.678.103	22.495.092.032	34.229.678.103
Các khoản phải trả khác	3.070.766.741	3.353.864.764	3.070.766.741	3.353.864.764
Cộng	**101.778.393.136**	**102.616.176.676**	**101.778.393.136**	**102.616.176.676**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này theo giá giao dịch thành công thu thập được.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2015

Huỳnh Bảo Khánh	Phạm Thúy Oanh	Vũ Quốc Vinh
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	95.699.000.000	124.969.383.392	11.025.017.419	15.259.904.442	246.953.305.253
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	55.475.950.927	55.475.950.927
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	13.868.987.732	-	(27.737.975.464)	(13.868.987.732)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(14.354.850.000)	(14.354.850.000)
Số dư cuối năm trước	**95.699.000.000**	**138.838.371.124**	**11.025.017.419**	**28.643.029.905**	**274.205.418.448**
Số dư đầu năm	95.699.000.000	138.838.371.124	11.025.017.419	28.643.029.905	274.205.418.448
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	12.684.103.867	12.684.103.867
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	3.230.613.277	-	(6.461.226.554)	(3.230.613.277)
Sử dụng quỹ bù đắp tổn thất	-	-	(5.879.892.055)	-	(5.879.892.055)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(14.354.850.000)	(14.354.850.000)
Số dư cuối năm nay	**95.699.000.000**	**142.068.984.401**	**5.145.125.364**	**20.511.057.218**	**263.424.166.983**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Huỳnh Bảo Khánh	Phạm Thúy Oanh	Võ Quốc Vinh

Toàn văn báo cáo tài chính Công ty mẹ kiểm toán năm 2014 và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 được đăng tải trên website của Công ty http://tie.com.vn/vi/co-dong-1.html

Công ty cổ phần TIE

TP.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2015

Người đại diện theo Pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Tổng Giám Đốc

VŨ QUỐC VINH